****

BỘ TƯ PHÁP

**BAN VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ NGÀNH TƯ PHÁP**

**TỌA ĐÀM**

**LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Hà Nội, 2021**

**MỤC LỤC**

**TÀI LIỆU TỌA ĐÀM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CHUYÊN ĐỀ** | **TRANG** |
| 1 | Giới thiệu tổng quan về khái niệm bạo lực gia đình trên cơ sở giới và tình hình bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay | 4 |
| 2 | Hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng và giải pháp | 29 |
| 3 | Giới thiệu công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình - Kết quả đạt được và một số khó khăn, vướng mắc | 37 |
| 4 | Giới thiệu các quy định của pháp luật về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới | 45 |
| 5 | Nghị Quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 | 52 |
| 6 | Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ” | 59 |
| 7 | Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 | 64 |
| 8 | Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025 của ngành Tư pháp | 69 |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP**BAN VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ NGÀNH TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Tọa đàm lồng ghép giới trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình**

**Địa điểm:** Hội trường Đa năng, Nhà N6, trụ sở Bộ Tư pháp, 60 Trần Phú, Ba Đình, HN

**Thời gian:** 01 buổi, ngày 07 tháng 12 năm 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Người trình bày** |
| 08:00 - 08:30 | Đăng ký đại biểu  | Ban Tổ chức Tọa đàm |
| 08:30 - 08:35 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Bà Trần Thị Diệu Thúy, Phó Tổ trưởng Tổ thư ký giúp việc Ban VSTBPN ngành Tư pháp, Trưởng phòng Phòng Thống kê Cục Kế hoạch - Tài chính  |
| 08:35 - 08:50 | Phát biểu khai mạc  | Bà Phan Thị Hồng Hà, Q.Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Phó Trưởng ban VSTBPN ngành Tư pháp |
| 08:50 - 09:20 | Giới thiệu tổng quan về khái niệm bạo lực gia đình trên cơ sở giới và tình hình bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay | Bà Nguyễn Thị Kim Thoa, Nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp luật hình sự - hành chính Bộ Tư pháp |
| 09:20 - 09:40 | Hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng và giải pháp | Đại diện Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp |
| 09:40 - 10:10 | Giới thiệu công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình - Kết quả đạt được và một số khó khăn, vướng mắc | Đại diện Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp |
| 10:10 - 10:20 | Giải lao |
| 10:20 - 10:40 | Giới thiệu các quy định của pháp luật về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới  | Đại diện Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp |
| 10:40 - 11:20 | Thảo luận, góp ý | - Ban Tổ chức- Các đại biểu tham dự  |
| 11:20 - 11:30 | Tổng hợp kết quả thảo luận, bế mạc | Đại diện Ban Tổ chức |

**Giới thiệu tổng quan về bạo lực trên cơ sở giới**

Ts. Nguyễn Thị Kim Thoa

Nguyên VT Vụ PLHS-HC, Bộ Tư pháp

**I. Bạo lực trên cơ sở giới**

**1. Tình hình chung**

Hầu hết, dù không phải là tất cả, bạo lực đối với phụ nữ cũng chính là BLTCSG, với định nghĩa là “bạo lực nhằm vào một người dựa trên giới tính của người đó. Bạo lực là sự vi phạm đến quyền sống cơ bản, quyền tự do, an toàn, nhân phẩm, bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới, không phân biệt đối xử và toàn vẹn phẩm giá về thể xác và tinh thần.” (Hội đồng Châu Âu, 2012). Bạo lực bao gồm các hành động gây tổn hại hoặc gây đau khổ về thể xác, tinh thần hoặc tình dục, việc đe dọa thực hiện các hành động như vậy, sự ép buộc và tước đoạt quyền tự do khác .

Kết quả cuộc Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam 2019 đã đưa ra những dữ liệu cụ thể về các tỷ lệ và loại hình bạo lực. Cụ thể :

Cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (62,9%) phải chịu ít nhất một hoặc nhiều hình thức bạo lực do chồng gây ra trong đời và 31,6 % bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua).

Trừ bạo lực tình dục, tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra năm 2019 thấp hơn so với năm 2010. Ví dụ, phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác trong đời năm 2019 (26,1%) ít hơn so với năm 2010 (31,5%). Điều này rõ ràng hơn với nhóm phụ nữ trẻ.

Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ bị chồng bạo lực tình dục trong đời năm 2019 (13,3%) cao hơn so với năm 2010 (9,9%). Điều này đặc biệt đúng ở nhóm phụ nữ trẻ ở độ tuổi từ 18 - 24 (13,9% năm 2019 so với 5,3% năm 2010). Mặc dù điều này phản ánh sự gia tăng của tình trạng bạo lực nhưng cũng có thể là kết quả của sự thay đổi nhận thức xã hội mà ở đó phụ nữ cởi mở hơn khi nói về tình dục và bạo lực tình dục.

Phụ nữ khuyết tật bị các hình thức bạo lực do chồng gây ra cao hơn so với phụ nữ không bị khuyết tật.

4,4% phụ nữ cho biết họ đã bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 tuổi.

Phụ nữ bị chồng bạo lực nhiều hơn so với việc bị người khác bạo lực. Cứ 10 phụ nữ thì có 01 người (11,4%) trải qua bạo lực thể xác từ khi 15 tuổi do người khác gây ra. Khi phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác không phải là chồng gây ra, người gây bạo lực chủ yếu là thành viên nam trong gia đình (60,6%).

Cứ 10 phụ nữ thì có 01 phụ nữ (9%) bị bạo lực tình dục do người khác gây ra từ năm 15 tuổi. Phần lớn kẻ gây ra bạo lực là nam giới không phải thành viên trong gia đình (ví dụ: nam giới là người không quen biết, bạn bè hoặc người quen; người mới quen gần đây; hoặc người làm cùng cơ quan).Rất nhiều vụ việc bạo lực đối với phụ nữ bị giấu kín. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền.

Trẻ em cũng là nạn nhân khi sống trong môi trường bạo lực. Trong số phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác, 61,4% cho biết con cái họ đã từng chứng kiến hoặc nghe thấy bạo lực. Phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục nói rằng con cái họ (5-12 tuổi) thường có các vấn đề về hành vi.

Bạo lực đối với phụ nữ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho phát triển kinh tế và sức khỏe thể chất, tinh thần phụ nữ. Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra cho nền kinh tế Việt Nam tương đương với 1,8% GDP.

Bạo lực là hành vi có tính tiếp thu. Hành vi này có thể được ngăn chặn và chúng ta cần hành động ngay. Phụ nữ là nạn nhân của bạo lực do chồng gây ra thì nhiều khả năng mẹ của người chồng đã từng bị đánh hoặc bản thân người chồng đã bị đánh đập khi còn nhỏ.

Tại Hội nghị công bố kết quả điều tra, Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Ốt-xtrây-li-a và UNFPA cùng kêu gọi hành động khẩn cấp để chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ.

“Cho dù bạo lực xảy ra ở đâu, dưới hình thức nào hay ai bị ảnh hưởng đều phải được ngăn chặn. Chúng ta cùng phối hợp để xây dựng một thế giới mà ở đó nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái đều được hưởng cuộc sống bình đẳng, an toàn, không có bạo lực. Chúng tôi đánh giá cao Việt Nam vì cam kết đạt được tầm nhìn này,” Bà Naomi Kitahara kết luận trong bài phát biểu của mình.

**2. Bản chất của bạo lực trên cơ sở giới**

Thuật ngữ “Bạo lực trên cơ sở giới” (gender-based violence) đã trải qua nhiều giai đoạn kể từ khi bắt đầu các nghiên cứu và phân tích về bạo lực dựa trên khái niệm bất bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ. BLTCSG được sử dụng để phân biệt với bạo lực thông thường và được hiểu là bạo lực nhằm vào cá nhân hoặc nhóm cá nhân trên cơ sở phân cấp quyền lực do những khác biệt giới gây nên, đó thường là một tập hợp những ép buộc và kiểm soát của một người đối với người khác.

Bạo lực đối với phụ nữ là một trong các hình thức bạo lực trên cơ sở giới. Tuy nhiên, vì cho đến nay phụ nữ và trẻ em gái là nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhất và bị tác động nặng nề nhất do bạo lực trên cơ sở giới gây ra cho nên thuật ngữ “bạo lực đối với phụ nữ” và “bạo lực trên cơ sở giới” thường được sử dụng như nhau trong nhiều tài liệu .

Đến năm 1993, trong Tuyên bố về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ (Declaration on the Elimination of Violence against Women - DEVAW) của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc BLTCSG đã được định nghĩa rõ ràng hơn và được nhiều tổ chức, nhiều quốc gia thống nhất sử dụng, theo đó BLG là “Bất kỳ một hành động bạo lực nào dựa trên cơ sở giới mà gây tổn hại hoặc đau đớn cho phụ nữ về mặt về thân thể, tình dục hoặc tâm lý, kể cả việc đe dọa thực hiện những hành động như vậy, sự ép buộc hay tước đoạt sự tự do, cho dù xảy ra ở nơi công cộng hay cuộc sống riêng tư .

Nhận thức toàn diện hơn về BLTCSG này đang ngày càng được phản ánh rõ nét trong các tài liệu nghiên cứu quốc tế sau này.Cao ủy LHQ về Người Tị nạn(UNHCR) và các đối tác sử dụng một “định nghĩa mở rộng về Bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới”, theo đó BLTCSG được định nghĩa như sau: “Bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt giới hoặc giới tính. Nó bao gồm các hành động gây tác hại hoặc gây đau đớn về thể xác, tinh thần hay tình dục, gồm cả sự đe dọa thực hiện những hành vi này, sự cưỡng bức và tước đoạt tự do dưới các hình thức khác nhau. Mặc dù phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân của BLG, phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu”. BLTCSG được hiểu là bao gồm, nhưng không giới hạn ở những hình thức sau:

a) Bạo lực thể chất, tình dục và tâm lý xảy ra trong gia đình gồm cả hành vi đánh đập, bóc lột tình dục, lạm dụng tình dục trẻ em trong gia đình, bạo lực liên quan đến của hồi môn, cưỡng hiếp trong hôn nhân, cắt bỏ bộ phận sinh dục phụ nữ và các hủ tục truyền thống khác gây hại đến người phụ nữ, bạo lực ngoài mối quan hệ vợ chồng và bạo lực liên quan đến bóc lột;

b) Bạo lực thể chất, tình dục và tâm lý xảy ra trong cộng đồng bao gồm cưỡng hiếp, lạm dụng tình dục, đe dọa quấy rối tình dục tại nơi làm việc, tại các cơ sở giáo dục và bất kỳ đâu, buôn bán phụ nữ và hoạt động mại dâm cưỡng bức

c) Bạo lực thể chất, tình dục và tâm lý được gây ra hoặc được bỏ qua bởi Nhà nước và các tổ chức nơi bạo lực xảy ra, ví dụ như ngăn cản phụ nữ đi bỏ phiếu, lái xe hoặc tham gia làm việc trên thị trường lao động .

Cho đến nay trong các văn bản chính thức của Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa về BLTCSG,tuy nhiênviệc thực hiện các chính sách liên quan đền BLTCSG chủ yếu vẫn áp dụng khái niệm BLTCSG của Liên Hiệp Quốc như đề cập ở trên, việc vận dụng khái niệm BLTCSG sử dụng trong tài liệu này cơ bản cũng không nằm ngoài phạm vi đó.

3. Các loại hình bạo lực trên cơ sở giới

Có 5 loại BLTCSG: Bạo lực về thể chất, bạo lực về tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực về kinh tế.

Bạo lực về thể chất là những hành vi cố ý xâm hại tính mạng hoặc gây ra thương tích trên cơ thể cho nạn nhân. Loại hành vi này thường dễ nhận biết nhất bởi nó thường để lại dấu vết trên cơ thể nạn nhân.

Một số hành vi bạo lực thể xác phổ biến như:

- Đánh, đấm, đá, tát, bóp cổ, xô đẩy, giật kéo, quăng ném…;

- Sử dụng hung khí gây huỷ hoại hoặc làm biến dạng bộ phận cơ thể; có thể bao gồm việc sử dụng hung khí như que, gậy, dao hoặc kéo,…;

- Không cho ăn uống, nghỉ ngơi, không cho mặc quần áo để bị rét;

- Các hành vi để lại thương tích trên cơ thể nạn nhân hoặc có mục đích giết chết (đầu độc, đốt cháy, đâm chém…).

Bạo lực tinh thần hay còn gọi là bạo lực tâm lý là những hành vi đối xử tồi tệ gây áp lực về mặt tâm lý, tạo tổn thương tức thời hay tiềm ẩn về mặt tâm lý, sức khoẻ tâm thần cho người bị bạo lực. Loại bạo lực này rất phổ biến nhưng lại khó nhận dạng so với bạo lực thể xác.

Một số hành vi bạo lực tinh thần phổ biến như:

- Chửi mắng, lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc hành vi vi phạm khác, kiểm soát và ngăn cấm người phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội hoặc các hoạt động khác thông qua đe dọa, gây áp lực tâm lý tiết lộ đời tư, phát tán tờ rơi làm ảnh hưởng đến danh dự, cưỡng ép lột bỏ quần áo trước mặt người khác…

- Cấm đoán (ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình như chăm sóc con cái, người thân; làm việc, tham gia các hoạt động xã hội, quyền giao tiếp với người khác, quyền được quyết định…);

- Nhốt, cô lập không cho tiếp xúc với người khác;

- Xua đuổi, quấy rối hoặc gây áp lực thường xuyên về mặt tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

- Cưỡng ép hôn nhân, tảo hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

- Ghen tuông, tổ chức theo dõi, ngăn cấm các mối quan hệ giao tiếp

- Phớt lờ cảm xúc, không quan tâm, đối xử lạnh nhạt gây áp lực thường xuyên về tâm lý.

Những hành vi bạo lực tinh thần có thể được thể hiện qua việc dùng lời nói hoặc thái độ… của người gây ra bạo lực và thường rất khó để phân biệt một hành vi xúc phạm hay dẫn đến đã mức bạo lực tâm lý/tinh thần. Bạo lực tinh thần thường rất khó xác định vì những tổn hại không thể hiện ra bên ngoài như bạo lực thể xác mà trong mỗi trường hợp cụ thể thì cần phải đánh giá chính xác các tác động mà hành vi đó gây ra. Cần xem xét mối quan hệ quyền lực và kiểm soát của người gây bạo lực và người bị bạo lực để xác định có phải là bạo lực tinh thần hay không.

Bạo lực tình dục là hành vi sử dụng vũ lực hay dùng lời nói đe dọa để ép buộc người kia có quan hệ tình dục (dù hành vi đó có thực hiện được hay không) hoặc hành vi cố lôi kéo hoạt động tình dục ngay cả khi người kia không có khả năng từ chối bởi các lý do như: sức khoẻ, bị ảnh hưởng của chất kích thích, chưa đủ năng lực hiểu biết về hậu quả của quan hệ tình dục hoặc bị hăm dọa, quấy rối tình dục.

Một số hành vi bạo lực tình dục như:

- Hiếp hoặc cưỡng ép quan hệ tình dục hoặc đe dọa, khống chế để quan hệ tình dục;

- Sử dụng những hình thức quan hệ tình dục gây đau đớn;

- Dùng dụng cụ gây tổn thương bộ phận sinh dục của nạn nhân

- Sử dụng những lời lẽ liên quan tới dục tính gây khó chịu về tâm lý hoặc dùng lời nói hay hành động cưỡng ép nạn nhân thực hiện những hành vi tình dục khiến nạn nhân cảm thấy bị làm nhục…;

- Bắt nạn nhân phải chứng kiến cảnh sinh hoạt tình dục…;

- Cưỡng ép kết hôn, ly hôn.

Bạo lực kinh tế là hành vi kiểm soát về tài chính, bắt người khác trong gia đình phụ thuộc tài chính hoặc chiếm đoạt thu nhập hợp pháp; ngăn cấm tiếp cận, sử dụng các nguồn thu nhập của gia đình hoặc bắt ép thành viên gia đình làm việc quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; huỷ hoại tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình. Loại bạo lực này thường xảy ravới nạn nhân làphụnữ/người vợtronggiađình.

Một số hành vi bạo lực kinh tế như:

- Tịch thu tiền, của cải khiến nạn nhân khi cần phải cầu xin

- Kiểm soát mọi tài sản, tiền bạc, thu nhập tạo ra sự phụ thuộc

- Không cho sử dụng tài sản chung

- Chiếm đoạt, làm hư hỏng hoặc phá huỷ tài sản riêng của nạn nhân hoặc tài sản chung trong gia đình

- Buộc đóng góp tài chính vượt quá khả năng;

- Có hành vi trái pháp luật buộc nạn nhân phải rời bỏ nhà.

**4. Hậu quả của bạo lực**

Bạo lực dù ở mức độ nào cũng đều gây ra hậu quả cho nạn nhân, cộng đồng và xã hội nơi họ sinh sống.

*4.1 Đối với nạn nhân bị bạo lực*

Dù bạo lực ở hình thức nào thì nạn nhân BLG là người trực tiếp chịu ảnh hưởng lớn nhất, họ bị tác động về thể chất hoặc tinh thần, khiến họ gặp khó khăn trong cuộc sống, trong lao động và trong quan hệ xã hội hoặc ảnh hưởng tiêu cực tới gia đình, quá trình phát triển và hoàn thiện nhân cách đối với con cái...

- Về thể chất: bạo lực làm suy giảm khả năng về ăn, ngủ, nghỉ, gây ra tổn thương, đau đớn thực thể, thương tật hoặc mất khả năng lao động thậm chí là tử vong. Riêng với phụ nữ, trẻ em gái có thể còn bị ảnh hưởng tới sức khoẻ sinh sản, sức khỏe tinh thần, phát triển nhân cách sau này…

- Về tâm lý: Nạn nhân bị bạo lực thường chịu ảnh hưởng tới tâm lý. Cảm giác sợ sệt, lo lắng về an toàn của bản thân và con cái; Cảm giác tội lỗi, xấu hổ, tự hạ thấp giá trị của mình. Có những nạn nhân bị rối loạn tâm lý như trầm uất, hoang tưởng. Họ trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào người có hành vi bạo lực khiến họ ngày một thụ động, không dám đưa ra ý kiến, đề xuất hay quyết định trong gia đình họ. Một số phụ nữ bị bạo lực có thể giảm khả năng làm bổn phận của người mẹ, gặp khó khăn trong chăm sóc giáo dục con cái. Bạo lực khiến cho trẻ em có xu hướng thụ động thu mình hoặc có hành vi quá khích, chống đối lại bạn bè, nhà trường, kết quả học tập của trẻ bị giảm sút.

- Quan hệ xã hội, tham gia hoạt động cộng đồng: bạo lực đã ảnh hưởng khá lớn tới các mối quan hệ xã hội và cách thức quan hệ xã hội của nạn nhân. Nạn nhân tự cô lập, thu mình, lảng tránh không giao tiếp với người khác; không muốn tham gia vào các hoạt động xã hội bởi họ có cảm giác phụ thuộc, tâm lý thụ động do bị bạo lực hoặc sợ người có hành vi bạo lực không cho tham gia.

*4.2 Hậu quả của bạo lực đối với gia đình*

Bạo lực ảnh hưởng tới sinh hoạt hàng ngày, tới kinh tế cũng như tới mối quan hệ trong và ngoài gia đình như: gia đình có thể bị tan vỡ, chi phí cho việc chữa trị và phục hồi sức khoẻ nạn nhân bạo lực; tài sản bị giảm sút do sự đập phá, tiêu tán bởi hành vi bạo lực; thu nhập của gia đình suy giảm bởi khả năng lao động của nạn nhân (mà phần nhiều là phụ nữ) giảm do sức khoẻ của họ bị giảm sút, họ phải nghỉ làm việc. Mâu thuẫn gia đình tăng lên, sự quan tâm chăm sóc giữa các thành viên gia đình giảm sút. Vấn đề trong gia đình không được các thành viên gia đình cùng bàn bạc giải quyết. Quan hệ của gia đình với bên ngoài xã hội bị thu hẹp do bản thân những thành viên trong gia đình không muốn người khác biết về tình trạng bạo lực trong gia đình họ. Con trẻ bị cộng đồng cô lập, né tránh.

*4.3 Hậu quả của BLG đối với cộng đồng, xã hội*

Bạo lực không phải chỉ là vấn đề riêng của gia đình mà nó là vấn đề chung của xã hội bởi gia đình là tế bào của xã hội. Những tác động tiêu cực của bạo lực tới thành viên hay toàn bộ gia đình cũng sẽ tạo nên ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội ở cả góc độ kinh tế và xã hội.

Về khía cạnh kinh tế

- Bạo lực làm gia tăng áp lực lên hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, trung tâm công tác xã hội), tiêu tốn nhiều khoản đầu tư của xã hội cho việc đấu tranh phòng ngừa, giải quyết xử lý hậu quả do bạo lực gây ra.

- Bạo lực làm giảm sút khả năng lao động làm ra của cải vật chất cho xã hội do giảm khả năng đóng góp của cá nhân và gia đình có BLG xảy ra.

Về khía cạnh xã hội

- Nguy cơ gia tăng của những hành vi lệch chuẩn, tội phạm trong xã hội.

- Ảnh hưởngđối với sự bình yên của xã hội do BLG để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng phải xử lý về nhiều khía cạnh như: về y tế chữa trị bệnh khắc phục chấn thương, về mặt an ninh trật và quyền con người phải trấn áp dập tắt bạo lực xảy ra, bảo vệ người tham gia hỗ trợ và xử lý bạo lực,trừng phạt kẻ gây bạo lưc…

- Ảnh hưởng tới nỗ lực phòng, chống sự bất bình đẳng giới trong xã hội v.v.

**II. Quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới**

**1. Hệ thống các Công ước và các văn bản quốc tế mà Việt Nam đã thành viên**

1.1. Công ước về quyền dân sự và chính trị

Tuyên bố chung của Liên Hợp quốc về nhân quyền (thông qua ngày 10/12/1948) công nhận rằng tất cả mọi người sinh ra tự do, bình đẳng về phẩm giá và vì thế mọi người đều được hưởng các quyền và tự do, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nơi sinh hoặc các tình trạng khác. Không thể vì lý do một cá nhân nào đó có đặc điểm khác biệt mà phải chịu hành vi bạo lực từ người hoặc nhóm người khác. Đây là một văn bản pháp lý toàn diện và quan trọng mang tính nguyên tắc chung về quyền con người, là văn kiện gốc làm nền tảng cho sự bình đẳng giữa con người với con người nói chung và bình đẳng giới nói riêng.

Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị được thông qua bởi Nghị quyết số 2200A (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, có hiệu lực từ ngày 23/03/1976 quy định rằng tất cả loài người đều có quyền được sống và vì thế không ai có quyền tùy tiện tước đoạt quyền được sống của họ và còn thừa nhận thêm về quyền của nam giới và phụ nữ đến tuổi kết hôn được kết hôn và xây dựng gia đình mà không có hôn nhân nào được xây dựng mà không có tự do và sự tự nguyện đầy đủ của những người được kết hôn.

Các quốc gia thành viên Công ước này cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thực hiện tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đã quy định (Điều 3 Công ước)

1.2. Công ước chống tra tấn và cách đối xử hoặc trừng phạt độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ khác

Công ước chống tra tấn và cách đối xử hoặc trừng phạt độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ khác (1984) quy định rằng các quốc gia có nghĩa vụ phòng ngừa tra tấn được thực hiện bởi những hành vi cá nhân. Tra tấn là những đau đớn nghiêm trọng về tinh thần và thể chất được thực hiện một cách cố ý bởi những người của Chính phủ hoặc sự thừa nhận, đồng ý của người thuộc Chính phủ cho mục đích trái pháp luật.

1.3. Công ước Chống mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)

CEDAW là một Công ước toàn diện nhất về quyền con người của người phụ nữ. Nội dung công ước quy định sự bình đẳng giữa nam và nữ về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa.

1.4. Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ

Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ được Liên hơp quốc thông qua ngày 20/12/1993. Tuyên bố đưa ra một định nghĩa rõ ràng và toàn diện về bạo lực đối với phụ nữ. Đồng thời, Tuyên bố cũng nêu rõ trách nhiệm của các quốc gia để đảm bảo xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ.

1.5. Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em

Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào ngày 20/11/1989 và có hiệu lực từ ngày 02//9/1990.

Nội dung Công ước đề cập toàn diện các quyền cơ bản mà trẻ em trên thế giới phải được bảo đảm như: quyền được sống, được phát triển, quyền được chăm sóc và bảo vệ; quyền được tham gia trong cuộc sống gia đình, văn hóa, xã hội. Bốn nguyên tắc cốt lõi của Công ước là không phân biệt đối xử; quan tâm đến lợi ích tốt nhất của trẻ; quyền sống, tồn tại và phát triển; tôn trọng quan điểm của trẻ. Đặc biệt,theo quy định của Công ước này thì trẻ em không bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Đây là những quy định quan trọng nhằm bảo vệ trẻ em trước mọi nguy cơ bị xâm hại, bảo vệ những quyền mà trẻ em được hưởng.

1.6. Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Liên Hợp Quốc đề ra các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) để thay thế cho Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) hết hạn năm 2015. SDGs được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng. Các mục tiêu này được thực hiện từ năm 2015 đến năm 2030 với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu. Đáng chú ý là vấn đề “bình đẳng giới’’ là mục tiêu số 5 trong số 17 mục tiêu bảo đảm cho phát triển bền vững. Đây là một trong những nội dung quan trọng thể hiện Liên hợp quốc rất quan tâm đến việc bình đẳng giữa nam và nữ, để tạo điều kiện thuận lợi nhất để tất cả mọi người trong xã hội có cơ hội và điều kiện phát triển trong môi trường công bằng nhất.

**2. Quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới**

Khung pháp lý về phòng, chống bạo lực giới gồm:

2.1 Khung pháp lý thúc đẩy bình đẳng giới

2.1.1 Hiến pháp năm 2013:

- Hiến pháp quy định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

- Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác…; Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Hiến pháp quy định mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật. (Điều 19)

- Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. (Điều 20)

- Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

- Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

- Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

- Điều 26 quy định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.

- Hiến pháp quy định rằng: Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác. (Điều 30)

2.1.2. Luật bình đẳng giới, 2006

- Luật Bình đẳng giới quy định nam, nữ bình đẳng với nhau trong mọi lĩnh vực và nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.

- Điều 10 quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm: Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; Bạo lực trên cơ sở giới;. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật. Việc quy định rõ những hành vi bị nghiêm cấm thể hiện mục đích phòng ngừa bạo lực giới và hành vi bạo lực giới xảy ra cần được xử lý nghiêm minh theo các văn bản pháp luật tương ứng khác như về hành chính hay hình sự.

- Điều 18 quy định chi tiết về bình đẳng giới trong gia đình, cụ thể: vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình, mỗi người đều có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

- Điều 41 quy định việc đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính là vi phạm pháp luật. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 42).

2.1.3 Luật hôn nhân và gia đình, 2014

- Luật Hôn nhân và gia đình quy định các hành vi cấm tại Khoản 2 - Điều 5 gồm:

a) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

đ) Yêu sách của cải trong kết hôn;

e) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;

g) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;

h) Bạo lực gia đình;

i) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

- Luật còn quy định: Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. (Khoản 3 – Điều 5)

2.1.4 Bộ luật dân sự, 2015:

Bộ luật dân sự quy định nạn nhân bạo lực giới có quyền được đòi bồi thường thiệt hại. Thiệt hại bao gồm: thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm và tài sản thường. Việc bồi thường thiệt hại không chỉ có tác dụng đòi lại quyền lợi cho nạn nhân bị bạo lực giới mà còn có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa các hành vi bạo lực giới tiếp diễn.

Những vấn đề quy định về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng, phân chia tài sản khi ly hôn. Đây là những căn cứ pháp lý rất quan trọng để các nạn nhân bị bạo lực gia đình có thể biết cách bảo vệ quyền của mình ngay từ khi kết hôn và cả quá trình chung sống, khi xảy ra các hành vi bạo lực gia đình.

2.1.5 Một số văn bản dưới luật

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phòng, chống BLGĐ quy định các biện pháp khuyến khích các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình:

 Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình hoặc các mô hình khác về phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa như đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo quy định hiện hành.

 Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, sáng tác, công bố, phổ biến đối với những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị và chất lượng cao về phòng, chống bạo lực gia đình .

 Chính sách đối với người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình (được khen thưởng, bồi thường thiệt hại, nếu bị chết thì được công nhận là liệt sỹ, nếu bị suy giảm khả năng lao động trên 21% thì được xem xét hưởng chính sách như thương binh).

- Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL

Quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình. Nội dung Thông tư xác định mục đích là thu thập thông tin cơ bản, chính xác về thực trạng gia đình và biến động qua từng thời kỳ, làm cơ sở hoạch định chính sách phục vụ quản lý nhà nước về gia đình, làm cơ sở để xác định phương hướng, giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình; xác định những đối tượng phải thu thập thông tin (bao gồm tất cả các vụ việc BLGD được phát hiện, được xử lý trên địa bàn, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi cả nước; nội dung thu thập thông tin và xử lý những thông tin thu thập được.

- Thông tư 24/2011/TT-BVHTTDL

 Quy định cụ thể các nguyên tắc khen thưởng, hình thức khen thưởng (Giấy khen; Bằng khen; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Huy hương; Huân chương); điều kiện khen thưởng cá nhân, tập thể tham gia phòng, chống bạo lực gia đình; thẩm quyền khen thưởng; đối tượng, điều kiện, cơ quan hoàn trả thiệt hại về giá trị tài sản cho người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình;

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BVHTTDL-BLĐTBXH- BCA

 Hướng dẫn thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

 Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giáo dục chuyển đổi hành vi nêu tại Thông tư.

 Thông tư quy định nội dung giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; Hình thức giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ Công an.

2.2 Khung pháp lý để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực giới

Các quy định về bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực giới nằm ở một số văn bản pháp lý khác nhau, như: Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Luật trẻ em; Luật phòng, chống mua bán người. Trong đó, Luật phòng, chống bạo lực gia đình ra đời năm 2007 đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong việc bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân các vụ việc bạo lực gia đình, một dạng BLTCSG điển hình và phổ biến ở Việt Nam.

2.2.1 Luật phòng, chống bạo lực gia đình, 2007

- Luật phòng, chống BLGĐ quy định một số nguyên tắc và biện pháp phòng, chống BLGĐ và vai trò, trách nhiệm của một số cơ quan và tổ chức trong phòng, chống BLGĐ.

- Luật quy định các biện pháp toàn diện liên quan đến việc cung cấp thông tin, truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng về chủ đề này và nâng cao sự hiểu biết to lớn trong cộng đồng về BLGĐ.

Luật phòng, chống bạo lực gia đình ra đời năm 2007 đã nêu rõ sự cần thiết phòng chống bạo lực trong gia đình và đưa ra các biện pháp mang tính phòng ngừa, hỗ trợ. Luật phòng, chống bạo lực gia đình quy định cụ thể về những hành vi bạo lực gia đình, trên cơ sở đó trong Nghị định 110/2009/NĐ-CP và Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định các hành vi và hình thức phạt hành chính trong lĩnh vực này.

Luật phòng, chống bạo lực gia đình quy định những vấn đề cơ bản sau:

a. Các hành vi bạo lực gia đình

b. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình

c. Xử lý người có hành vi bạo lực gia đình

d. Bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình

e. Các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình

f. Phát hiện báo tin về bạo lực gia đình

g. Các biện pháp tư vấn, hòa giải

2.2.2 Luật trợ giúp pháp lý

Luật trợ giúp pháp lý 2017 quy định những vấn đề về trợ giúp pháp lý trong đó có các quy định đến trợ giúp pháp lý nói chung, cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán nói riêng:

- Tại Điều 7 quy định về người được trợ giúp pháp lý bao gồm:

1. Người có công với cách mạng.

2. Người thuộc hộ nghèo.

3. Trẻ em.

4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;

b) Người nhiễm chất độc da cam;

c) Người cao tuổi;

d) Người khuyết tật;

đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự

e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình

g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người

h) Người nhiễm HIV.

Trong Luật trợ giúp pháp lý cũng quy định chi tiết về trình tự thủ tục, trách nhiệm của các bên, giải quyết tranh chấp… trong quá trình trợ giúp pháp lý.

2.2.3 Luật trẻ em, năm 2016

Luật Trẻ em năm 2016quy định nhiều nội dung liên quan về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, trong đó quy định mang tính chất phòng ngừa Bạo lực giới, một số hành vi bị nghiêm cấm v.v.

2.2.4 Các nghị định, thông tư có liên quan hướng dẫn thực hiện phòng, chống bạo lực giới

- NĐ 08/2009/NĐ-CP, hướng dẫn chi tiết một số quy định của Luật về chính sách của Nhà nước về phòng, chống BLGĐ; tư vấn, góp ý, phê bình trong cộng đồng; biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã; cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGĐ

- Nghị định 08/2009/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số quy định của Luật về tư vấn và phổ biến thông tin; góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư; áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; và các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGĐ.

- NĐ 167/2013/NĐ-CP, quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGĐ

- Nghị định 167 quy định chi tiết các mức xử phạt cho 9 hành vi BLGĐ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật phòng, chống BLGĐ cũng như các hành vi vi phạm khác.

- Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL

Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

- Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

- Thông tư liên tịch 143/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL

Quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình ngoài công lập.

- Thông tư 16/2009/TT-BYT ngày 22/9/2009 của Bộ Y tế

Hướng dẫn việc tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Để chăm sóc ban đầu cho nạn nhân BLGD có cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là nơi chăm sóc, tư vấn, tạm lánh, hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình bao gồm:

 Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

 Cơ sở bảo trợ xã hội;

 Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

 Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

 Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

- Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT - VKSNDTC - TANDTC - BCA - BTP - BLĐTBXH ngày 21/12/2018, do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - thương binh & xã hội, quy định về việc phối hợp thực hiện thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (bao gồm cả trẻ em);

- Chương trình phối hợp trong công tác bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái giai đoạn 2019 - 2022 số 11/ CTPH - TWHPNVN - BCA - VKSNDTC - TANDTC ngày 26/2/2019 của Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao…

2.2.5 Bộ Luật Lao động

Bộ Luật Lao động dành 1 phần quy định riêng lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới. Trong đó có chính sách cơ bản như:

- Nhà nước có chính sách: Bảo đảm quyền bình đẳng của lao động nữ, lao động nam, thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ, lao động nam có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà. Có biện pháp tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình. Có chính sách giảm thuế đối với người sử dụng lao động có sử dụng nhiều lao động nữ theo quy định của pháp luật về thuế. Nhà nước có kế hoạch, biện pháp tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động. Mở rộng nhiều loại hình đào tạo thuận lợi cho lao động nữ có thêm nghề dự phòng và phù hợp với đặc điểm về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ của phụ nữ.

- Quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động: Bảo đảm thực hiện bình đẳng giới và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, bố trí, sắp xếp việc làm, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác. Tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ. Bảo đảm có đủ buồng tắm và buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc. Giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

2.3 Khung pháp lý xử lý hành vi bạo lực giới

2.3.1 Pháp luật về xử lý hành chính

Pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi bạo lực giới – quy định các mức xử phạt đối với người có hành vi vi phạm pháp luật chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng phải xử lý vi phạm hành chính.

Đó là những hành vi được quy định ở các văn bản pháp luật như: NĐ167/2013/NĐ-CP, NĐ 08, Luật phòng, chống Bạo lực gia đình (Điều 43), Luật Hôn nhân và Gia đình (liên quan tới ngược đãi thành viên gia đình), Luật Bình đẳng giới (liên quan tới đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình).

- Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định rõ các trường hợp xử lý vi phạm hành chính đối với 9 hành vi bạo lực gia đình quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật phòng, chống bạo lực gia đình và các hành vi vi phạm theo quy định của các điều khác trong Luật; đối với các hành vi bạo lực giới không thuộc nhóm hành vi bạo lực gia đình thì tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP có quy định về các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Liên quan đến vi phạm quyết định cấm tiếp xúc: Nghị định 08 quy định rằng người vi phạm có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính nếu có đơn đề nghị của nạn nhân bạo lực gia đình và người vi phạm quyết định cấm tiếp xúc đã bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm.

- Liên quan đến người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình: Điều 43 của Luật phòng, chống bạo lực gia đình quy định áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Liên quan đến ngược đãi thành viên trong gia đình: Luật Hôn nhân và Gia đình quy định việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi ngược đãi, hành hạ, hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên trong gia đình.

- Liên quan đến đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình: Luật Bình đẳng Giới quy định rằng hành vi đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính là vi phạm bị xử lý hành chính.

Có nhiều hình thức xử phạt hành chính có thể áp dụng. Khi quyết định xử phạt, người hoặc cơ quan có thẩm quyền cần xem xét những lần xử phạt trước đó, sự thường xuyên có hành vi bạo lực giới và mức độ tổn thương đến nạn nhân.

2.3.2 . Pháp luật liên quan đến xử lý hình sự

Bộ Luật hình sự, quy định một số tội liên quan đến bạo lực giới đối với phụ nữ, trẻ em gái. Trong đó, một số tội danh phổ biến liên quan đến bạo lực giới là:

- Điều 133: Tội đe doạ giết người;

- Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

- Điều 138: Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

- Điều 141: Tội hiếp dâm;

- Điều 142: Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;

- Điều 143: Tội cưỡng dâm;

- Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

- Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

- Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi;

- Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm;

- Điều 150. Tội mua bán người;

- Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi;

- Điều 155: Tội làm nhục người khác;

- Điều 157: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật;

- Điều 158: Tội xâm phạm chỗ ở của người khác;

- Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác;

- Điều 165: Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới;

- Điều 166: Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo;

- Điều 178: Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản;

- Điều 181: Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện

Những tội danh quy định trong Bộ luật hình sự nêu trên được xác định là có thể liên quan trực tiếp đến các hành vi bạo lực giới.

2.3.3 . Pháp luật về hòa giải

Luật Hòa giải quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở. Trong đó quy định cụ thể:

- Phạm vi hòa giải là các vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính

- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở (Điều 4): “

1. Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở.

2. Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.

3. Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật này.

4. Tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

5. Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

6. Không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.”

- Nghĩa vụ của hòa giải viên (Đ.10): “

1. Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

2. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này.

3. Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.

4. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.

5. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.”

- Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải (Đ.17): “

1. Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.

2. Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.

3. Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.

4. Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.

5. Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

6. Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan.

7. Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.”

**III.** **Các rào cản làm hạn chế khả năng của nạn nhân trong tiếp cận công lý**

Mặc dù phải hứng chịu bạo lực, bị tổn thương về cả tinh thần và thể xác, nhưng không phải nạn nhân nào cũng muốn đi trình báo về vụ việc. Hoặc khi nạn nhân đi trình báo, họ gặp rất nhiều khó khăn, cản trở họ theo đuổi công lý. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, sẽ được phân tích dưới dây, phụ nữ có thể không trình báo, hoặc nếu có trình báo sẽ không tiếp tục theo đuổi vụ việc đến cùng.

Có tới 91,7% nạn nhân phải đối mặt với nhiều thách thức khi tìm sự giúp đỡ (Xem Hình 1). cản hàng đầu: tính riêng tư, bảo mật thông tin, hiểu biết hạn chế về quyền, lo lắng về việc mình có được bảo vệ hay không, cảm thấy xấu hổ, bị áp lực từ gia đình và xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy 69% người được khảo sát cho rằng một trong những rào cản quan trọng nhất là nhận thức hạn chế của phụ nữ về quyền của mình. Đa số nạn nhân bạo lực gia đình được phỏng vấn bày tỏ lo ngại về thủ tục trình báo không rõ ràng, một số người cho biết họ phải trình báo cùng một vụ việc với bốn cơ quan khác nhau: tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, Hội Phụ nữ và công an. Nạn nhân cũng cho biết những lý do khác nhau của việc trình báo bạo lực gia đình[[1]](#footnote-1).

**Hình 1. Tỷ lệ phụ nữ gặp trở ngại khi tiếp cận công lý**

Theo báo cáo khảo sát về “Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Quan niệm của phụ nữ về biếp cận công lý”[[2]](#footnote-2) phần lớn các vụ việc bạo lực với phụ nữ đều do nam giới, là chồng/bạn tình, người trong gia đình, đồng nghiệp, hàng xóm hoặc người quen của họ gây ra. Đó cũng chính là khó khăn cả về tâm lý và rủi ro đối với phụ nữ trong khi theo đuổi công lý. Có rất nhiều rào cản mà phụ nữ phải đối mặt khi trình báo về bạo lực tình dục, như là những rào cản về khuôn mẫu giới tiêu cực tạo ra và duy trì sự mơ hồ về cái được coi là hiếp dâm “thật sự” và “nạn nhân thật sự”. Điều này ảnh hưởng đến thái độ và mong đợi của các cán bộ xử lý vụ việc về cách mà một “nạn nhân thật sự” cần phải cư xử, đã tác động đến đánh giá về độ tin cậy của nạn nhân và định hình cách ứng xử của tư pháp hình sự đối với các vụ việc liên quan đến bạo lực với phụ nữ. Nghiên cứu cho thấy cơ quan/cán bộ tư pháp hình sự lại chú trọng vào việc liệu nạn nhân có đáng tin cậy hay không, dựa trên tính cách, vẻ bề ngoài, hành vi và công việc của nạn nhân, hơn là dựa trên độ tin cậy của vụ việc được trình báo. Phụ nữ làm nghề bán dâm từng cố gắng trình báo việc bị cưỡng hiếp với cảnh sát thường không được tin cậy[[3]](#footnote-3).

Nhiều nạn nhân không trình báo với công an hoặc cơ quan khác do họ cảm thấy ê chề, xấu hổ hoặc sợ hãi. Thái độ dung thứ bạo lực của cán bộ thực thi pháp luật vẫn khá phổ biến, mặc dù Luật Phòng chống Bạo lực gia đình đã có hiệu lực từ năm 2007. Họ cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư, duy trì gia đình là ưu tiên và rằng phụ nữ không được từ chối đòi hỏi tình dục của chồng.[[4]](#footnote-4)

Nghiên cứu về sự tiếp cận công lý của nạn nhân bạo lực gia đình trong hệ thống pháp lý đa kênh ở Việt Nam cho thấy đa số nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới không tiếp cận được cán bộ trợ giúp pháp lý và nhiều nạn nhân bị ép thương lượng hoặc hòa giải ở cơ sở và giải quyết vụ việc bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự mà không được tư vấn pháp lý.[[5]](#footnote-5).

Hiểu biết của nạn nhân về các hình thức bạo lực cấu thành tội phạm còn hạn chế. Nhiều người còn chưa rõ việc quấy rối tình dục, tấn công tình dục có phải là tội hình sự hay không. Nhiều người cho rằng hành vi này là tội hình sự. Tuy nhiên, theo Luật hình sự năm 2015, hành vi tấn công tình dục đối với phụ nữ trưởng thành hoặc quấy rối tình dục không bị coi là tội hình sự.[[6]](#footnote-6)

Những rào cản mà phụ nữ phải đối mặt bao gồm rào cản xã hội và văn hóa, cũng như những rào cản về pháp lý và thể chế. Các rào cản xã hội và văn hóa (như kỳ thị, áp lực gia đình, lo ngại rằng nếu trình báo bạo lực nghĩa là ly hôn, hoặc tác động tiêu cực đến nghề nghiệp tương lai của con cái) cùng với thái độ và phương pháp tiếp cận thiếu toàn diện đa ngành là các rào cản pháp lý và thể chế (không bảo đảm bí mật, những quan ngại về vấn đề bảo vệ, thủ tục phức tạp, v.v.) đã làm hạn chế nạn nhân tiếp cận công lý. Điều này cần được thay đổi.[[7]](#footnote-7)

**Hình 2: Xếp hạng các rào cản mà nữ nạn nhân của bạo lực phải đối mặt khi tìm kiếm công lý**

*(Nguồn: Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý, UN Women, 2018).*

**Cán cán bộ làm công tác tư pháp** lại cho rằng rào cản chủ yếu lại là do chính nạn nhân, những người được coi là chấp nhận số phận của mình, sợ bị người gây bạo lực trả thù nếu trình báo; cũng như mức độ nhận thức thấp của chính phụ nữ về bạo lực và trình độ hiểu biết pháp luật của họ còn thấp[[8]](#footnote-8).

***Quan niệm và hiểu chưa đúng về những nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình[[9]](#footnote-9)***. Có một số nhóm cán bộ làm công tác phòng chống và ứng phó bạo lực đối với phụ nữ tin rằng chỉ những người chồng thất nghiệp mới đánh vợ. Họ giải thích lý do vì sao họ không tập trung vào các biện pháp bảo vệ như tách nạn nhân khỏi người gây bạo lực, vì họ nói rằng người chồng vẫn yêu vợ con. Họ thường đổ lỗi và biện minh rằng đàn ông khi rượu vào mất kiểm soát và do ghen tuông nên mới bạo lực với vợ, và rằng khi tỉnh rượu người chồng tỏ hối hận.

* **Sự quan liêu**, coi nhẹ bạo lực và thái độ thiếu tin tưởng nạn nhân của các cán bộ liên quan cũng khiến nạn nhân nản lòng không muốn trình báo. Cũng theo phát hiện của khảo sát của Bộ tư pháp và UN Women, nạn nhân bị bạo lực mong muốn người giúp đỡ họ lắng nghe cẩn thận câu chuyện của họ và tin tưởng họ. Tuy nhiên “không phải lúc nào cũng được như vậy.

“*Khi tôi trình báo vụ việc với trưởng thôn, chị ấy bảo tôi phải làm đơn ‘Chị làm đơn rồi tôi sẽ đến’. Lần sau khi bị đánh, tôi làm đơn nhưng họ cũng chẳng vào sổ về vụ bạo lực*” – theo chia sẻ của một nạn nhân trong quá trình khảo sát.

“*Về cách ứng xử của chính quyền địa phương, tôi muốn được đối xử như một công dân bình thường, tôi có quyền được đối xử một cách tôn trọng, được phổ biến thông tin và được lắng nghe”* – nữ nạn nhân mua bán người chia sẻ.

Nữ nạn nhân đã phải kể lại câu chuyện của mình trong một căn phòng có nhiều người, nơi các đồng nghiệp của vị công an đang làm việc. Đó không phải là một nơi riêng tư. Những người khác cảm thấy rằng họ không được tin tưởng hoặc lắng nghe.

Một nạn nhân khác nói:

"*Tôi không thỏa mãn khi họ đối xử với tôi chẳng ra gì, họ lạm dụng tôi, nói những điều xấu về tôi, họ không tin tôi*"

* **Mất quyền riêng tư.** Việc không giữ bí mật về vụ việc của nạn nhân cũng như việc chần chừ hành động ứng phó của cơ quan liên quan dễ đẩy nạn nhân tới nguy cơ tiếp tục bị bạo lực. Có nạn nhân đã không tìm đến công an, vì đã được bạn bè kể lại rằng công an – người tiếp nhận vụ việc - đã không giữ bí mật về sự vụ bạo lực. Hơn nữa, người tiếp nhận vụ việc lại thường đứng về phía người gây bạo lực, cho rằng phụ nữ “*quá tự do, muốn làm gì thì làm*” không có khuôn khổ phép tắc gia phong. Vì thế nạn nhân cũng quan ngại việc báo cáo chỉ có thể gây ra thêm bạo lực và có thể nguy hiểm hơn cho nạn nhân. Điều này làm cho nạn nhân không tin tưởng lắm vào hệ thống tư pháp.

Thái độ thờ ơ, thiếu tôn trọng nạn nhân, thiếu khách quan, thiếu chuyên nghiệp của cán bộ xử lý vụ việc có thể dẫn tới việc thay đổi kết quả phán xử.

* Một nạn nhân khác từng chịu bạo lực trong thời gian dài đã nói: "*Tôi thấy rất khó trình báo công an... chồng cũ của tôi chưa hề bị phạt tiền hay hề hấn gì. Tôi chả còn muốn trình báo và thôi không trình báo nữa. Tôi không tin lắm vào hệ thống tư pháp vì nhiều lần trình báo mà chả có kết quả gì*".
* Họ lo ngại rằng một khi bạn đi trình báo, họ mất quyền riêng tư. Các nạn nhân giải thích rằng việc thông tin riêng tư của họ không được giữ kín khiến họ xấu hổ nhưng đồng thời cũng có thể dẫn đến sự trả thù của người gây ra bạo lực. Một nạn nhân thấy xấu hổ khi trình báo các vấn đề gia đình của họ với công an vì họ sợ rằng nếu thông tin bị rò rỉ, thì những người hàng xóm sẽ cười họ. Có nạn nhân từng bị bạo lực tình dục kể rằng khi cô trình báo với công an, *"Họ nói rất to về những vấn đề nhạy cảm, những người ở phòng bên cạnh có thể nghe câu chuyện của tôi. Nó không còn là chuyện riêng tư nữa"*. Có nạn nhân kể về việc một phụ nữ khi đến đồn công an trình báo: *"Cô ấy đã yêu cầu công an giữ bí mật. Họ nói với cô ấy để điền thông tin vào bản tường trình về bạo lực và sau đó đi về nhà. Khi cô về đến nhà, cô đã bị chồng đánh rất đau vì một công an đã nói với chồng cô"*. Còn nạn nhân khác nói *"Khi tôi nộp đơn trình báo với công an phường và họ yêu cầu có chữ ký của chi hội trưởng Hội phụ nữ. Chị ấy đã nói chuyện với mẹ chồng tôi, chồng tôi biết và đánh tôi".*

- **Nạn nhân sợ phải đối diện với ly hôn.** Đối với những nạn nhân bị bạo lực gia đình, họ nói rằng nếu họ trình báo, đồng nghĩa với việc họ gián tiếp thông báo cho gia đình và cộng đồng biết là họ muốn **ly hôn**. Trong hầu hết các trường hợp, họ phải cố gắng giải quyết trong gia đình trước, sau đó họ mới tìm đến sự trợ giúp của các cơ quan liên quan. Theo quy trình, các cơ quan sẽ tiến hành hòa giả (theo Luật Hòa hòa giải cơ sở 2013). Đối với các nạn nhân đi trình báo vụ việc, hầu hết kết quả là họ rời bỏ nhà và làm đơn ly dị. Tuy nhiên có rất nhiều lý do họ không đồng ý tiến hành thủ tục tố tụng với người gây ra bạo lực. Những lý do chính đã được nêu ở trên (trong mục rào cản làm hạn chế phụ nữ đi trình báo vụ việc). Mặc dù tất cả nạn nhân muốn chấm dứt bạo lực, nhưng họ lại không muốn người gây ra bạo lực bị bắt.

**- Thái độ của cán bộ tiếp nhận tin báo.** Có những nạn nhân bị công an, người tiếp nhận vụ việc ứng xử khá quan liêu, thiếu nhạy cảm giới và nghi ngờ tính xác thực thông tin mà nạn nhân cung cấp, không tin nạn nhân và còn trách cứ nạn nhân, coi vụ việc là do nạn nhân gây ra“*Khi nạn nhân tìm đến công an, họ thường nói cùng một từ: ‘Chắc chị nói nhiều quá, hay ghen tuông, vì vậy mà anh ta đánh chị, đúng không?’Phụ nữ luôn bị đổ lỗi về mọi việc” –* Một người tham gia khảo sát chia sẻ.

- **Quan điểm của cán bộ làm công tác tư pháp** . Cán bộ làm công tác tư pháp cho rằng ngay từ khi trình báo nạn nhân đã gặp nhiều rào cản. Họ cho rằng các nạn nhân có xu hướng chấp nhận số phận của mình, sợ bị người gây bạo lực trả thù nếu đi trình báo; nhận thức hạn chế của nạn nhân về bạo lực là gì cũng như về luật pháp. Theo cán bộ tư pháp, một trong những rào cản phổ biến là việc phụ nữ đi trình báo về bạo lực gia đình hậu quả sẽ là ly hôn, trong khi phần lớn phụ nữ không muốn điều này xảy ra. Trong thực tế, có trường hợp vợ chồng “thường đánh lẫn nhau”, nhưng người vợ lại không trình báo vụ việc bị bạo lực vì “*người vợ lo ngại việc trình báo công an sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến con mình.... Người dân không chấp nhận tình huống mà nam giới hay phụ nữ lại đi trình báo về vụ việc bị bạo lực của mình... Vì vậy khi được hỏi, người vợ đã cố giấu thực trạng và không muốn chia sẻ câu chuyện của mình. Tôi không muốn cặp vợ chồng này li dị .... Có một số vụ việc khá nghiêm trọng, nhưng hàng xóm không thể can thiệp. ... có một vụ mà hai vợ chồng đánh nhau, và người em trai bị anh mình giết khi người em đến can ngăn”. – Một cán bộ tư pháp chia sẻ.[[10]](#footnote-10).*

* Nhưng những thông tin rào cản từ phía cán bộ làm công tác tư pháp cũng như biện pháp mà hệ thống tư pháp xử lý những trường hợp này là khá hiếm hoi. Tuy nhiên, một nhóm cán bộ trợ giúp pháp lý ghi nhận là *"Nạn nhân cũng chẳng dễ dàng gì khi tiếp cận với công an vì đa số công an là nam giới"*. Nạn nhân dễ tiếp cận đến các trung tâm trợ giúp pháp lý hơn vì hầu hết các cán bộ trợ giúp pháp lý là phụ nữ. Sự thiếu nhạy cảm và định kiến giới của cán bộ tiếp nhận nạn nhân cũng là một trong những rào cản hạn chế nạn nhân trình báo. Ví dụ, có trường hợp nạn nhân của buôn bán người bị ép làm mại dâm và khi thu thập lời khai của cô, công an viên đã đặt nhiều câu hỏi về tần xuất bán dâm, làm cho người phụ nữ cảm thấy xấu hổ và ê chề. Với những trường hợp việc tiến hành giám định pháp y là cần thiết để lấy chứng cớ buộc tội thủ phạm, nhưng nạn nhân cảm thấy không thoải mái và ngại ngần phải thực hiện thủ tục này. Họ lo sợ thông tin cá nhân của họ bị tiết lộ và toàn bộ cộng đồng sẽ biết về trường hợp của họ. Đối với nạn nhân chưa có chồng, họ sợ sẽ ảnh hưởng tới hôn nhân sau này của họ.
* Sự điều phối lỏng lẻo giữa các dịch vụ cũng như dịch vụ hỗ trợ nạn nhân còn thiếu cũng là những rào cản hạn chế nạn nhân tiếp cận công lý.
* Cán bộ hỗ trợ tư pháp cần hiểu rõ những rào cản này, trên cơ sở đó có thể căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để có thể đưa ra biện pháp xử lý thích hợp. Cán bộ làm công tác tư pháp, hỗ trợ nạn nhân cần:
* Hiểu rõ hoàn cảnh của nạn nhân, có thái độ đồng cảm, tôn trọng, biết lắng nghe khi tiếp xúc với họ sao cho họ có cảm thấy thoải mái, an toàn, bảo vệ, và được đối xử tốt. Nạn nhân sẽ cảm thấy bản thân được tin tưởng, lắng nghe và thấu hiểu; tính riêng tư được bảo đảm (ví dụ như có không gian riêng tư, thân thiện ở đồn công an, được trình báo sự việc ở một địa điểm khác như ở Trung tâm Một cửa xử lý bạo lực, hoặc ở địa điểm mà không có người khác làm phiền)
* Ưu tiên xử lý vụ việc của nạn nhân. Nạn nhân cần được cung cấp thông tin về tiến trình của vụ việc cũng như và hệ thốngxử lý. Giúp nạn nhân tiếp cận với dịch vụ trợ giúp pháp lý (thông qua các Trung tâm, cơ quan trợ giúp pháp lý) và hỗ trợ khác ngoài pháp lý (như thông qua người hỗ trợ được phân công nhiệm vụ, hoặc giới thiệu nạn nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội phù hợp khác).
* Giảm thiểu việc nạn nhân phải kể đi kể lại vụ việc bị bạo lực của mình, tránh làm tổn thương nạn nhân thêm lần nữa; Trong quá trình hỗ trợ nạn nhân và trong quá trình tố tụng, tư vấn và tác động với tòa án giúp nạn nhân không phải đối mặt với bị cáo tại tòa, tránh tâm lý bất ổn và hoảng sợ của nạn nhân v.v.).
* Cán bộ liên quan xử lý vụ việc liên quan tới bạo lực, cần hiểu rõ nguyên nhân vì sao nạn nhân không trình báo vụ việc bị bạo lực:
* Nạn nhân bị áp lực xã hội và gia đình, rằng việc trình báo vụ việc bị bạo lực với các cơ quan liên quan, các cấp có thẩm quyền sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến con cái họ. Họ cho rằng họ hàng, gia đình, và các thành viên trong cộng đồng không chấp nhận việc họ đi trình báo, cho rằng “*phụ nữ phải có lỗi gì đó thì chồng mới đánh*”. Vì vậy phụ nữ muốn che giấu việc mình bị bạo lực.
* Định kiến giới đã hạn chế phụ nữ nói ra sự thật, quan niệm “Xấu chàng hổ ai” khiến họ nghĩ rằng việc trình báo việc mình bị bạo lực khiến chồng mất mặt, trong khi quan hệ hôn nhân vẫn rất quan trọng đối với họ. Họ cho rằng việc họ chính thức nộp đơn trình báo vụ việc với công an thường có nghĩa là chấm dứt hôn nhân, trong khi họ lại không muốn “con không có bố” hoặc sợ bị cộng đồng, họ hàng, gia đình gièm pha, cho họ là phụ nữ không tốt mới bỏ chồng. Họ muốn chấm dứt bạo lực, nhưng lại lo sợ rằng nếu làm mạnh thì hôn nhân của họ sẽ chấm dứt.

**Rào cản trong tiếp cận công lý**

ƒ

ƒ

Sự phân biệt đối xử và địa vị phụ thuộc của phụ nữ

Không có hoặc thiếu hệ thống giám sát để theo dõi các biện pháp mà cơ quan nhà nước giải quyết các vụ việc được trình báo

ƒ Các nhà cung cấp dịch vụ tư pháp hình sự không phải chịu trách nhiệm giải trình khi thực hiện các biện pháp ứng phó và dịch vụ dựa trên quyền, và lấy nạn nhân làm trung tâm

ƒ Bạo lực tình dục với phụ nữ không phải là ưu tiên hành động trong hệ thống tư pháp hình sự

ƒ Biện pháp ứng phó chỉ theo kiểu phản ứng lại với các vụ việc chứ không theo cách tiếp cận chiến lược, toàn diện và tổng thể

ƒ Thiếu sự điều phối bên trong hệ thống tư pháp, và giữa hệ thống tư pháp, chính phủ và nhà cung cấp dịch vụ xã hội dân sự, dẫn đến dịch vụ hạn chế và không thống nhất.

ƒ Định kiến và khuôn mẫu giới ở các nhà cung cấp dịch vụ mang tính thể chế

ƒ Tập trung vào hòa giải hoặc các hình thức giải quyết khác bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự

ƒ Nhiều phụ nữ có kiến thức và khả năng tiếp cận hạn chế với thông tin về các quyền và những gì họ có thể và cần mong đợi ở hệ thống tư pháp hình sự

**Hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng và giải pháp**

 **Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp**

**1. Sự cần thiết lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở**

Việt Nam là một trong những nước tích cực lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật; đã phê chuẩn và chính thức trở thành thành viên Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Công ước CEDAW) vào năm 1982.

Trong hoạt động hòa giải ở cơ sở, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới là điều cần thiết với mục đích:

- Góp phần vào đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong quá trình hòa giải. Khi tiến hành hòa giải, hòa giải viên hướng dẫn các bên tìm được giải pháp phù hợp nhất, qua đó góp phần đảm bảo bình đẳng giới, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới (đặc biệt là nhóm người dễ bị tổn thương như người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số khi họ có mâu thuẫn, tranh chấp cần được hòa giải).

- Góp phần bảo đảm bình đẳng giới thực chất và toàn diện hơn. Trong xã hội, phụ nữ thường có nguy cơ bị phân biệt đối xử hay bị xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp (ví dụ như là nạn nhân của bạo lực). Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải sẽ giúp người dân ở cơ sở hiểu rõ hơn các vấn đề về giới, bình đẳng giới, từ đó giúp giải quyết được gốc rễ các vấn đề về giới đồng thời đảm bảo sự công bằng cho mọi thành viên trong xã hội.

- Góp phần nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở. Trong quá trình hòa giải, thông tin được thu thập chủ yếu từ sự trình bày của các bên tranh chấp. Chính vì vậy, việc thu thập thông tin đầy đủ và cân nhắc tới các vấn đề giới từ tất cả các bên liên quan sẽ giúp xác định rõ, đúng và toàn diện những vấn đề then chốt trong mâu thuẫn, tranh chấp; giúp đưa ra những giải pháp hữu hiệu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

- Thúc đẩy tính bền vững của kết quả hòa giải thành.Các giải pháp được đưa ra dựa trên thông tin đầy đủ và có quan tâm tới nhu cầu, lợi ích và mối quan tâm của từng giới sẽ giúp gia tăng tính đồng thuận, cam kết và trách nhiệm của các bên có mâu thuẫn/tranh chấp.

- Bảo đảm thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực thúc đẩy bình đẳng giới ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

**2. Thực trạng công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở**

***2.1. Kết quả***

Một trong những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động hòa giải ờ cơ sở là bảo đảm bình đẳng giới[[11]](#footnote-11). Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở, những năm qua, việc triển khai công tác hòa giải ở cơ sở nói chung và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải nói riêng luôn được cấp ủy, chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm chỉ đạo thực hiện và đã đạt được một số kết quả sau:

 a) Củng cố, kiện toàn tổ hòa giải bảo đảm tổ hòa giải có hòa giải viên nữ

Thực hiện khoản 1 Điều 12 của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “… Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ”, trong các năm qua, công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải bảo đảm các tổ hòa giải đều có ít nhất 01 hòa giải viên nữ được các địa phương triển khai thực hiện[[12]](#footnote-12). Quá trình rà soát tiêu chuẩn, lựa chọn, bầu hòa giải viên; bầu tổ trưởng tổ hòa giải... bảo đảm đúng quy định pháp luật, không phân biệt đối xử nam, nữ, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng giới.

Việc xây dựng, củng cố, kiện toàn bảo đảm mỗi tổ hòa giải phải có ít nhất 01 hòa giải viên là nữ không chỉ góp phần thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mà còn góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong việc hòa giải các vụ việc mà một bên là phụ nữ - người yếu thế, chịu sự bất bình đẳng giới đã “bám rễ”, ăn sâu trong các quan hệ xã hội ở Việt Nam cũng như nhiều nước phương Đông khác. Hòa giải viên nữ tham gia tổ hòa giải không chỉ với tư cách là đại diện cho phụ nữ ở cộng đồng mà còn là những người thấu hiểu tâm lý của phụ nữ, dễ gần gũi, tiếp cận với phụ nữ khi tiến hành hòa giải, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, chống phân biệt đối xử về giới, định kiến giới.

b) Hằng năm, Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác hòa giải, trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức tham mưu quản lý nhà nước về hòa giải và hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

c) Biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới cho hòa giải viên

*\* Biên soạn, phát hành tài liệu*

Vụ đã nghiên cứu, biên soạn, phát hành miễn phí các loại sách tìm hiểu, hỏi đáp, tình huống pháp luật, tờ gấp, băng, đĩa hình với các tiểu phẩm pháp luật sinh động, hấp dẫn giới thiệu các quy định pháp luật về bình đẳng giới để phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân nói chung, hòa giải viên nói riêng. Năm 2014, Bộ Tư pháp đã xây dựng, in và cấp phát cho các tổ hòa giải của tất cả các xã nghèo trong cả nước, cuốn Sổ tay hỏi - đáp pháp luật cho hòa giải viên. Cuốn sách được trình bày dưới dạng hỏi - đáp các quy định pháp luật trực tiếp hoặc thông qua những tình huống pháp luật trong lĩnh vực bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình và buôn bán người.

Năm 2016, nội dung pháp luật về bình đẳng giới cũng như kỹ năng thực hiện bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở được thể hiện lồng ghép trong Bộ câu hỏi thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ 3; trong Bộ tài liệu nguồn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên.

Đặc biệt, năm 2020, nhận được sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Bộ Tư pháp đã phối hợp tổ chức xây dựng “Tài liệu tập huấn hòa giải ở cơ sở có nhạy cảm giới” (gọi là Tài liệu) nhằm trang bị kiến thức về cơ bản giới, bình đẳng giới và kỹ năng hòa giải có hiểu biết giới cho các hòa giải viên ở cơ sở, từ đó có thể đưa ra những giải pháp phù hợp, bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở. Hiện, Tài liệu đang trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện trước khi triển khai tập huấn nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

\* *Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới cho hòa giải viên*

Thời gian qua, tại các khóa tập huấn điểm về kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên, Bộ Tư pháp đã lồng ghép nội dung pháp luật về bình đẳng giới vào trong các chương trình, kế hoạch và nội dung tập huấn. Bên cạnh đó, Bộ cũng chỉ đạo cơ quan tư pháp chú trọng đến nội dung pháp luật này khi tổ chức tập huấn cho hòa giải viên ở địa phương.

Năm 2020, trong khuôn khổ dự án “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE) do Liên minh châu Âu (EU) và Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) tài trợ, Bộ Tư pháp đã tổ chức 03 khóa tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở bảo đảm bình đẳng giới cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh tại 03 khu vực Bắc, Trung, Nam[[13]](#footnote-13), 03 khóa tập huấn cho hòa giải viên của tỉnh Điện Biên, Sóc Trăng và tỉnh Đăk Nông[[14]](#footnote-14). Các khóa tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức đều được học viên đánh giá cao về chất lượng, hiệu quả, thiết thực, phù hợp với nhu cầu tập huấn của đối tượng tham gia. Hòa giải viên sau khi tham dự tập huấn đã nắm được kiến thức cơ bản về giới, bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới; biết cách tiếp cận và giải quyết vụ, việc hòa giải ở cơ sở bảo đảm bình đẳng giới.

Tại các địa phương, nhằm góp phần nâng cao kiến thức pháp luật về bình đẳng giới cho hòa giải viên, bảo đảm thực hiện bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải, hàng năm, một số Ủy ban nhân dân cấp huyện đã phối hợp với Sở Tư pháp lồng ghép tuyên truyền các quy định pháp luật về bình đẳng giới trong chuyên đề pháp luật về hôn nhân và gia đình trong chương trình bồi dưỡng của nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên. Một số Sở Tư pháp đã tổ chức hội nghị giới thiệu pháp luật về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình và phương pháp, cách thức hòa giải các vụ bạo lực gia đình đối với phụ nữ[[15]](#footnote-15).

d) Thực tiễn việc bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải các vụ việc cụ thể

Năm 2020, các tổ hòa giải trong cả nước đã tiến hành hòa giải 127.309 vụ việc, trong đó, hòa giải thành 102.613 vụ việc, đạt tỷ lệ 80,6. Nhìn chung, các vụ việc tiến hành hòa giải đã bảo đảm được thực hiện đúng quy định pháp luật, không xâm phạm các quyền cơ bản của con người, của phụ nữ và trẻ em, thấu tình, đạt lý, qua đó phát huy ưu thế, tác động tích cực của biện pháp hòa giải ở cơ sở.

Các quy định pháp luật về yêu cầu hòa giải, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình hòa giải, thủ tục tiến hành hòa giải, văn bản hòa giải, thực hiện các thỏa thuận hòa giải, theo dõi, đôn đốc thực hiện kết quả hòa giải thành đối với các bên được hòa giải viên thực hiện đúng và là như nhau. Tất cả các bên, không phân biệt là nam giới hay nữ giới, khi có yêu cầu, đề nghị hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh thì đều được tổ hòa giải, hòa giải viên tiếp nhận, xem xét và tiến hành hòa giải nếu thuộc phạm vi được hòa giải ở cơ sở; trường hợp không được hòa giải ở cơ sở thì được giải thích rõ về lý do không hòa giải và hướng dẫn làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Đối với các vụ việc về hôn nhân và gia đình, đặc biệt là các vụ việc bạo lực gia đình[[16]](#footnote-16) - vụ việc mà ở đó sự bất bình đẳng giới, định kiến giới, xâm phạm đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em gái thường thể hiện rõ nét nhất, đều có hòa giải viên nữ tham gia hòa giải với vai trò chủ trì hoặc phối hợp với hòa giải viên nam tiến hành hòa giải. Với sự nhẹ nhàng, khéo léo, kiên trì, nhẫn nại, sự đồng cảm của những người cùng giới, hòa giải viên nữ thường dễ tiếp cận, thu thập thông tin về mâu thuẫn, tranh chấp, nhất là những thông tin nhạy cảm, thầm kín, phụ nữ khó chia sẻ với người khác giới, giúp hòa giải viên có được những thông tin cần thiết, đôi khi là mấu chốt giúp giải quyết vụ việc đạt kết quả.Bên cạnh đó, việc tăng sự hiện diện của hòa giải viên nữsẽ giúp các bên liên quan hiểu được sự khác nhau trong trải nghiệm, ứng xử, nhu cầu và mong muốn của phụ nữ với nam giới đồng thời góp phần tăng tiếng nói về các vấn đề giới và tiếng nói của phụ nữ, từ đó giúp bảo vệ quyền lợi và sự công bằng của phụ nữ trong mâu thuẫn, tranh chấp.

Trong quá trình tiến hành hòa giải vụ việc cụ thể, hòa giải viên đã có sự quan tâm, lưu ý, nhận thức ở mức độ nhất định về việc bảo đảm bình đẳng giới như: địa điểm, thời gian tiến hành buổi hòa giải đã được hòa giải viên lựa chọn phù hợp, có tính tới yếu tố đặc thù của đối tượng là nữ giới khi có một hoặc các bên hòa giải là phụ nữ. Địa điểm hòa giải thường được lựa chọn là nhà riêng của một bên, nhà riêng của hòa giải viên, nhà văn hóa hay địa điểm khác mà các bên cảm thấy thoải mái, dễ chịu, đảm bảo sự an toàn đối với phụ nữ và trẻ em; hoặc khi làm việc với các đối tượng đặc thù, để bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em, một số hòa giải viên đã biết quan tâm đến các yếu tố như tránh những câu hỏi mang tính định kiến giới, biết phân tích thông tin về hậu quả, tác động đến phụ nữ và trẻ em hay đưa ra các gợi ý thực tế bảo vệ phụ nữ, trẻ, người cao tuổi, người khuyết tật. Trong toàn bộ quá trình hòa giải, hòa giải viên đã thể hiện sự công bằng, bình đẳng của các bên liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp; tôn trọng quan điểm cá nhân cũng như giữ vai trò “trung lập” của mình. Bên cạnh việc vận dụng phong tục, tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp, hòa giải viên cũng viện dẫn quy định pháp luật liên quan để các bên thấy, hiểu được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong quan hệ đang mâu thuẫn, tranh chấp, từ đó có cách ứng xử đúng, phù hợp.

Có thể thấy, sự quan tâm đúng mức, nhận thức đầy đủ và áp dụng những kiến thức, hiểu biết về giới, bình đẳng giớivào thực tiễn hòa giải của các hòa giải viên không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với kết quả của các cuộc hòa giải mà còn góp phần thực hiện công bằng xã hội. Ngoài ra, điều đó còn có ý nghĩa to lớn với các bên liên quan, đặc biệt là phụ nữ và các nhóm yếu thế khi các vấn đề, nguyện vọng, nhu cầu giới của họ được quan tâm, nhìn nhận và được tính đến trong quá trình đưa ra các giải pháp giải quyết mâu thuẫn. Thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, các hòa giải viên đã tích cực tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp, đồng thời khích lệ, khơi gợi những giá trị đạo đức truyền thống như sự yêu thương, chăm sóc, đùm bọc lẫn nhau, đối xử công bằng, bình đẳng, không phân biệt về giới… trong các bên liên quan, để từ đó giữ gìn sự hòa thuận, yên vui của mỗi gia đình, làng xóm, sự hòa hợp của cộng đồng, dân tộc tạo nên nội lực phát triển đất nước và sự tiến bộ của xã hội.

***2.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân***

Bên cạnh kết quả đạt được, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở vẫn còn tồn tại, hạn chế sau đây:

a) Tồn tại, hạn chế

- *Tỉ lệ tham gia của phụ nữ trong công tác hòa giải ở cơ sở còn thấp*

Đối với các vụ việc hòa giải có cả hòa giải viên nam và nữ tham gia sẽ đảm bảo giải quyết tốt hơn các vấn đề giới, bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của cả hai giới. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến ngày 31/12/2020, số hòa giải viên nữ trên cả nước chỉ chiếm khoảng 28% hòa giải viên ở cơ sở, trong khi đó theo quy định thì Tổ hòa giải phải có sự tham gia của hòa giải viên nữ.

*- Nhiều hòa giải viên còn chưa được trang bị các kiến thức về giới và bình đẳng giới*

Trong thực tế, không phải hòa giải viên nào cũng quan tâm tới các vấn đề giới, bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em trong các vụ việc được hòa giải. Trong các buổi hòa giải, họ thường tập trung tới mâu thuẫn, tranh chấp thay vì nhìn nhận toàn diện vấn đề chi phối hành vi của các bên như giới tính, văn hóa, tôn giáo và các nhận thức về giới. Theo một thống kê, *... chỉ 68% hòa giải viên có quan tâm đến giới”….[[17]](#footnote-17)*

Không chỉ vậy, vẫn còn tình trạng hòa giải viên áp đặt quan điểm cá nhân lên các bên liên quan, mà quan điểm đó mang tính phân biệt đối xử dựa trên giới. Một số hòa giải viên cũng được cho là thiếu nhạy cảm giới khi làm việc với các nhóm đặc thù như: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em, ví dụ như Sử dụng ngôn ngữ và thái độ mang tính định kiến giới khi nhắc đến phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Trong không ít các trường hợp, mâu thuẫn có thể phát sinh do việc thực hiện các vai trò giới mà không có sự chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên gia đình, nhưng hòa giải viên lại cho rằng đó là điều bình thường, là lẽ đương nhiên, như viêc cơm nước, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc người ốm… là việc của phụ nữ… Do vậy, vấn đề này sẽ tác động trực tiếp tới hiệu quả và chất lượng của các cuộc hòa giải, sự tín nhiệm của người dân với công tác hòa giải cũng như tới nỗ lực chung của xã hội trong việc đạt được bình đẳng giới thực chất.

*- Hiểu biết về giới, bình đẳng giới của một bộ phận người dân nói chung và hòa giải viên, người được hòa giải nói riêng còn hạn chế*

Định kiến giới, phân biệt đối xử về giới vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như một thói quen, nếp nghĩ, nhưng người dân và cả hòa giải viên chưa nhận thức được những điều đó sẽ dẫn đến bất bình đẳng giới giữa nam và nữ.

b) Nguyên nhân

*-* Rào cản về văn hóa, quan niệm cố hữu về vai trò quyết định của nam giới, thiếu sự công nhận hoặc đánh giá thấp vai trò của phụ nữ trong xã hội vẫn còn tồn tại tại nhiều nơi khi tham gia giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” và phong tục, tập quán lạc hậu còn duy trì ở một vài nơi là một trong những nguyên nhân cản trở phụ nữ và các nhóm yếu thế tiếp cận các thông tin về quyền của bản thân và cơ hội của họ, khiến họ không chỉ gặp nhiều khó khăn hơn khi gặp phải các mâu thuẫn, tranh chấp mà còn làm hạn chế việc chủ động đưa ra tiếng nói, thể hiện nhu cầu và đề đạt nguyện vọng của bản thân; chủ động đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp với nhu cầu và mong muốn hiện tại cho đến việc dự đoán những tác động có thể có tới bản thân, gia đình và cộng đồng sau hòa giải.

- Một bộ phận phụ nữ còn chưa tự tin và chủ động, tích cực tham gia công tác hòa giải tại cơ sở.

- Về bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho hòa giải viên:

(i) Nội dung tập huấn, nâng cao năng lực, kiến thức, kĩ năng cho hòa giải viên ở nhiều địa phương còn chưa chú trọng các nội dung về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trong gia đình, bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em.

(ii)Các tài liệu nâng cao kiến thức về giới, bình đẳng giới dành cho hòa giải viên chưa thực sự được quan tâm và chưa được lồng ghép trong các chương trình đào tạo định kì mà hòa giải viên được tham gia.

(iii) Số lượng hòa giải viên được tham gia các khóa bồi dưỡng có nội dung nâng cao hiểu biết về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trong gia đình, bảo vệ quyền trẻ em còn thấp.

**3. Nhiệm vụ, giải pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở**

Để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực thi các quy định hiện hành hòa giải ở cơ sở nói chung, về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động hòa giải ở cơ sở nói riêng, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp như sau:

3.1. Tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật về giới, bình đẳng giới dưới các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vị trí, vai trò của bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.2. Chú trọng công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện của các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác hòa giải, trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là tạo điều kiện, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức tham mưu quản lý nhà nước về hòa giải và hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.3. Thực hiện hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” (được phê duyệt kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ), Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên (ban hành kèm theo Quyết định số 4077/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), trong đó có nội dung tập huấn về bình đẳng giới, bạo lực gia đình. Tiếp tục xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở” giai đoạn tiếp theo, trong đó có những nhiệm vụ, giải pháp căn cơ về nâng cao năng lực, kỹ năng cho hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.4. Tổ chức thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải ở cơ sở có lồng ghép giới và bình đẳng giới cho đội ngũ công chức tham mưu nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên; đổi mới phương pháp, cách thức bồi dưỡng theo hướng lấy hòa giải viên làm trung tâm, tăng cường thảo luận, tương tác; tập trung giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.5. Tăng cường sự phối hợp giữa ngành Tư pháp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam cùng cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan thông qua nhiều hình thức trong nâng cao năng lực cho hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.6. Đa dạng hóa các tài liệu tập huấn cho hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải với phương pháp dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng như: tài liệu tập huấn, sổ tay bỏ túi, các video bài giảng điện tử, tình huống hòa giải mẫu... nhằm nâng cao việc trang bị kiến thức, hướng dẫn kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới để các địa phương tập huấn, bồi dưỡng hoặc cấp phát cho hòa giải viên.

3.7. Thực hiện nghiêm túc việc bố trí kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở (kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước và kinh phí chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp  quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

3.8. Nghiên cứu, đưa nội dung chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở là một trong các tiêu chí đánh giá Sở Tư pháp hàng năm. Tăng cường quản lý nhà nước, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ này ở địa phương, cơ sở./.

**Giới thiệu công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình – Kết quả đạt được và một số khó khăn, vướng mắc**

**- Cục Trợ giúp pháp lý -**

**I. Khái quát về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình**

**1. Nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý**

Bạo lực gia đình đã và đang là một vấn đề xã hội cần được quan tâm, giải quyết bởi nó gây ra nhiều hậu quả ảnh hưởng đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm và cả tính mạng của các nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bạo lực gia đình làm xói mòn các giá trị truyền thống tốt đẹp, là nguy cơ gây tan vỡ hoạc suy giảm sự bền vững của gia đình. Ngoài ra, bạo lực gia đình còn gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra về góc độ kinh tế bao gồm những chi phí chăm sóc và phục hồi sức khỏe nạn nhân, chi phí điều tra, truy tố, xét xử cùng nhiều chi phí gián tiếp khác liên quan dến tình trạng bệnh tật, mất hoặc giảm khả năng lao động sản xuất của nạn nhân…

Xuất phát từ thực hiễn hoạt động trợ giúp pháp lý và với mục tiêu bảo đảm cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ trong tiếp cận hoạt động trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, Luật Trợ giúp pháp lý 2017 quy định nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính được trợ giúp pháp lý. Kể từ ngày 01/01/2018, những người là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình (không phân biệt giới tính, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo...) và có khó khăn về tài chính (thuộc hộ cận nghèo hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật)[[18]](#footnote-18) thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Đây là quy định mới bổ sung trong Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính sẽ được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí trong các vụ việc liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích hợp pháp của họ bằng các hình thức: tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng.

**2. Quyền của người được trợ giúp pháp lý**

Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính có các quyền như sau:

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý; có quyền thay đổi hoặc rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác;

- Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan;

- Có quyền yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người được trợ giúp pháp lý (đặc biệt là trẻ em, phụ nữ, người già, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình...) tiếp cận và trình bày yêu cầu trợ giúp pháp lý của mình thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm thuận lợi cho người được trợ giúp pháp lý. Trong trường hợp nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý cần được giữ bí mật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm phù hợp, ví dụ bố trí phòng riêng hoặc địa điểm tiếp riêng để người yêu cầu trợ giúp pháp lý cảm thấy an tâm, thoải mái trình bày vụ việc;

- Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

- Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

**3. Phạm vi, lĩnh vực, hình thức trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính**

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người đó có thể tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Về phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý: Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương hoặc vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu.

- Về hình thức trợ giúp pháp lý: Người yêu cầu trợ giúp pháp lý có thể yêu cầu tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng hoặc đại diện ngoài tố tụng.

- Về lĩnh vực trợ giúp pháp lý: Người yêu cầu trợ giúp pháp lý có thể yêu cầu trợ giúp pháp lý trong tất cả các lĩnh vực pháp luật như dân sự, hình sự, hành chính, ngoại trừ lĩnh lực kinh doanh và thương mại.

**4. Người thực hiện trợ giúp pháp lý**

Người được trợ giúp pháp lý có thể yêu cầu những người sau đây thực hiện trợ giúp pháp lý :

- Trợ giúp viên pháp lý

- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

- Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

- Cộng tác viên trợ giúp pháp lý

Tính đến 31/7/2021, cả nước có 666 trợ giúp viên pháp lý, 678 luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, 39 Cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý.

Ngoài ra, với mục tiêu lấy người được trợ giúp pháp lý làm trung tâm, Nhà nước khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện, hỗ trợ, đóng góp cho công tác trợ giúp pháp lý; huy động các tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp pháp lý nhằm đa dạng hóa nguồn lực thực hiện, bảo đảm phù hợp với thực tiễn điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu hướng trợ giúp pháp lý của thế giới.

**II. Kết quả của việc lồng ghép về vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bạo lực gia đình**

**1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ nhằm triển khai Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Trợ giúp pháp lý trong công tác trợ giúp pháp lý**

Để triển khai thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền một số văn bản có nội dung quy định về việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình như sau:

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính thuộc đối tượng được TGPL;

- Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, nay được thay thế thành Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý quy định các loại giấy tờ chứng minh nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính khi yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Sau khi các văn bản trên được ban hành, thông qua việc hướng dẫn nghiệp vụ, Cục Trợ giúp pháp lý đã kịp thời chỉ đạo các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước triển khai thực hiện.

**2. Công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý**

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình, phân biệt đối xử, công tác truyền thông về pháp luật trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan đã được Cục Trợ giúp pháp lý và các địa phương hết sức quan tâm, đẩy mạnh thực hiện bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Cụ thể, từ năm 2020 đến nay, Cục đã phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện hoạt động truyền thông với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) xây dựng, phát sóng nhiều thông điệp, phóng sự về công tác trợ giúp pháp lý, trong đó có trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, … Các hoạt động truyền thông này đã thu hút được sự quan tâm, phản hồi tích cực từ phía người dân và các cơ quan chức năng.

Đồng thời, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và Trang thông tin điện tử trợ giúp pháp lý Việt Nam thường xuyên đăng tải các bài viết, thông tin về trợ giúp pháp lý, trong đó có trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, nhằm nâng cao nhận thức của người dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan về trợ giúp pháp lý, về nạn nhân bạo lực gia đình và quyền được trợ giúp pháp lý của nạn nhân bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính.

Ở địa phương, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tăng cường phối hợp chặt chẽ với cơ quan thông tin, truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, chính quyền cơ sở để truyền thông về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú (thông qua các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý, qua các kênh thông tin đại chúng, bảng tin, hộp tin, tờ gấp...). Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về trợ giúp pháp lý, về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân nói chung, phụ nữ là nạn nhân của sự bất bình đẳng trên cơ sở giới, nạn nhân bạo lực gia đình …

**3. Về nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý**

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về việc cần cung cấp dịch vụ pháp lý có chất lượng cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình, phân biệt đối xử, trong thời gian qua, Cục Trợ giúp pháp lý đã rất quan tâm tới việc nâng cao năng lực cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý; chú trọng tới việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hiện cho người thực hiện TGPL, chỉ riêng từ đầu năm 2021 đến nay, Cục Trợ giúp pháp lý đã tổ chức 05 lớp tập huấn kỹ năng tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý. Các lớp tập huấn góp phần nâng cao kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý nhất là trong những vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình ngày càng được nâng cao, góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý trong những vụ việc cụ thể. Nội dung tập huấn đều nhận mạnh bảo đảm yếu tố bình đẳng giới trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình.

**4. Về kết quả thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý**

Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình thời gian qua, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trên toàn quốc đã có nhiều nỗ lực để cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo các hình thức: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng… qua đó giúp họ giải quyết các vướng mắc pháp luật trong các lĩnh vực pháp luật hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, hành chính …

Theo số liệu báo cáo thống kê của các địa phương, năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, các Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã thực hiện 110 vụ việc cho nạn nhân bạo lực gia đình. Các vụ việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình chủ yếu được thực hiện bằng hình thức tư vấn pháp luật (chiếm 87,2%). Các nạn nhân bạo lực gia đình được trợ giúp pháp lý chủ yếu là phụ nữ.

Qua công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý hằng năm cho thấy, phần lớn các vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện đều đạt chất lượng và chất lượng tốt theo quy định của pháp luật, đặc biệt, các vụ việc tham gia tố tụng đều được các Trung tâm trợ giúp pháp lý tạo điều kiện phân công các Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có nhiều kinh nghiệm thực tế, am hiểu tâm lý phụ nữ, nạn nhân bạo lực gia đình để thực hiện việc trợ giúp pháp lý cho các đối tượng này.

Hoạt động trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình một mặt góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật cho họ trước sự đe dọa của các tệ nạn xã hội, các hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, hướng dẫn họ tôn trọng và thi hành pháp luật, mặt khác, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, niềm tin vào công bằng và bình đẳng của pháp luật, là nguồn cổ vũ hiệu quả cho việc nâng cao năng lực cho lao động nữ trong các hoạt động của xã hội và quản lý nhà nước.

**III. Khó khăn**

Bên cạnh những kết quả đạt được đó, vẫn còn những khó khăn, rào cản trong việc lồng ghép vẫn đề bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, cụ thể như sau:

Thứ nhất, với nhiều nguyên nhân khác nhau như do hoàn cảnh khó khăn, do nhận thức còn hạn chế, do ảnh hưởng của một số thói quen, tập tục lạc hậu… nên những vụ bạo lực gia đình vẫn xảy ra. Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân, trong đó có cả phụ nữ, trẻ em gái và người thân của họ vẫn chưa thật quan tâm, chưa hiểu biết về pháp luật và quyền được trợ giúp pháp lý hoặc còn e ngại khi tiếp cận với cơ quan, tổ chức có liên quan, kể cả tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý. Vì nhiều lý do khác nhau nên nhiều người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, nhất là phụ nữ, nạn nhân bạo lực gia đình… thường muốn giấu kín vụ việc hoặc cam chịu, không chia sẻ thông tin khi có vụ việc xảy ra; họ thường chỉ yêu cầu giúp đỡ khi sự việc đã trở nên trầm trọng hoặc bị phát hiện. Một số người dân tộc thiểu số không biết chữ, không nói được tiếng phổ thông; một số người khuyết tật không dễ dàng vượt qua mặc cảm để thể hiện ý muốn của mình… Do vậy, rất khó cho các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể sớm phát hiện và có những biện pháp hỗ trợ phù hợp; khó cho những người thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp cận và thực hiện vụ việc.

Thứ hai, công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý tại một số vùng miền núi, hải đảo còn chưa được thường xuyên. Nội dung truyền thông có chỗ còn chưa thật sự phong phú và hấp dẫn, chưa phù hợp với các đối tượng đặc thù, chưa chú ý yếu tố giới, tuổi tác, tâm lý, hoàn cảnh và địa bàn sinh sống của người dân; chưa phản ánh sinh động thực tế công tác trợ giúp pháp lý nên chưa thu hút sự quan tâm của xã hội, người dân về công tác này.

Thứ ba, sự thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện một số hoạt động hay nhiệm vụ của mình có lúc, có nơi chưa được kịp thời, chưa hiệu quả. Việc chuyển, gửi vụ việc từ các cơ quan, tổ chức có liên quan đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và ngược lại đôi khi chưa được thường xuyên, đầy đủ và kịp thời. Một số tổ chức xã hội ở địa phương chưa thực sự tích cực, chủ động, phát huy các nguồn lực trong việc hỗ trợ, thông tin và phối hợp với tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Thứ tư, đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý của một số tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng làm việc với nạn nhân bạo lực gia đình (đặc biệt là những đối tượng đặc thù như người già, phụ nữ bị mua bán, bị nhiễm HIV, bị khuyết tật…).

**IV. Một số giải pháp đề nâng cao việc lồng ghép bình đẳng giới vào hoạt động trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình**

**1. Tăng cường trách nhiệm thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình**

Hiện nay, Dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình sửa đổi (dự thảo Luật sửa đổi) quy định: Trung tâm Trợ giúp pháp lý là một trong trong những cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (điểm d khoản 2 Điều 57 Dự thảo Luật sửa đổi) và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm trong việc tư vấn pháp lý trong việc giải quyết vụ việc bạo lực gia đình; bảo vệ người bị bạo lực gia đình trong quá trình xét xử tại tòa án....(Điều 43, 44 Dự thảo Luật sửa đổi). Trên cơ sở đó, trong thời gian tới, công tác trợ giúp pháp lý sẽ tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong việc trợ giúp pháp cho nạn nhân bạo lực gia đình thông qua việc xây dựng, triển khai các kế hoạch, chương trình; nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan và đặc biệt nâng cao chất lượng, thực hiện các vụ việc thành công, hiệu quả cho các nạn nhân bạo lực gia đình bằng hình thức tham gia tố tụng ....

**2. Tăng cường, đổi mới hoạt động truyền thông**

Tăng cường và đổi mới hoạt động truyền thông về quyền của người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân bạo lực gia đình; đặc biệt là nhóm đối tượng là nạn nhân bạo lực gia đình để vượt qua rào cản quan niệm xã hội, sớm thông báo các vụ việc bạo lực gia đình với các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời được trợ giúp pháp lý. Đồng thời, truyền thông về trợ giúp pháp lý còn giúp nâng cao nhận thức về hoạt động trợ giúp pháp lý của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, từ đó họ có thể chủ động, tích cực tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá, kiểm chứng chất lượng trợ giúp pháp lý.

**3. Tăng cường phối hợp với cơ quan có liên quan**

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý với các cơ quan có liên quan (cơ quan tố tụng, các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội liên hiệp phụ nữ các cấp, Đoàn thanh niên, Hội nông dân ...) để sớm phát hiện và thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân vụ việc bạo lực gia đình, phân biệt đối xử. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần chủ động hơn trong việc phối hợp tiếp cận, xử lý các thông tin liên quan đến người được trợ giúp pháp lý là phụ nữ, trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Thiết lập cơ chế ứng phó hoặc phản ứng nhanh giữa các cơ quan, đặc biệt là những cơ quan bảo vệ trẻ em gái, phụ nữ, các cơ quan tố tụng với các tổ chức trợ giúp pháp lý nhằm có những giải pháp hỗ trợ kịp thời cho người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình, phân biệt đối xử trong mỗi giai đoạn nhất định.

**5. Nâng cao năng lực đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý**

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ làm công tác trợ giúp pháp lý, nhất là các kiến thức về nhạy cảm giới, bạo lực gia đình và các kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, nhất là trong những vụ việc tham gia tố tụng ....

**6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý**

Mở rộng hơn nữa các mối quan hệ hợp tác quốc tế song phương, đa phương và khu vực; các diễn đàn hợp tác chuyên sâu về trợ giúp pháp lý. Tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện trợ giúp pháp lý, đặc biệt là việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình. Cần có thêm các hoạt động hợp tác cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý; xây dựng các biện pháp huy động nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác quản lý trợ giúp pháp lý trong thời gian tới./.

**GIỚI THIỆU CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ**

**HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI**

**- Vụ Pháp luật hình sự - hành chính -**

**1. Đặt vấn đề**

Bạo lực trên cơ sở giới vi phạm các quyền và sự tự do cơ bản của con người. Đây không chỉ là vấn đề của một quốc gia, một khu vực mà là vấn đề mang tính toàn cầu. Tại Khuyến nghị chung số 19 của Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) coi bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực nhằm vào một phụ nữ vì người đó là phụ nữ hoặc bạo lực gây ra tác động lớn đối với phụ nữ, bao gồm những hành động gây ra tổn hại về thân thể, tinh thần, tình dục hoặc gây ra đau khổ, các lời đe doạ thực hiện những hành động này hay sự ép buộc hoặc các hành tước tự do khác.

Tại Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1993 định nghĩa bạo lực trên cơ sở giới như sau: “*Bất kỳ một hành động bạo lực nào dựa trên cơ sở giới dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, tình dục, tâm lý hay những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do, dù nó xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư*” đều gọi là bạo lực trên cơ sở giới. Hành vi bạo lực trên cơ sở giới hay bạo lực đối với phụ nữ bao gồm bạo lực gia đình, bạo lực ở nơi công cộng hoặc bạo lực do Nhà nước thực hiện hoặc được Nhà nước bao che và bỏ qua, dù xảy ra ở bất kỳ nơi nào. Các hình thức bạo lực bao gồm bạo lực về thể chất, bạo lực tình dục và bạo lực tâm lý.

Bạo lực trên cơ sở giới gây ra những tác động tiêu cực đối nạn nhân bị bạo lực. Nạn nhân bị bạo lực không chỉ gánh chịu những thương tích về thể xác mà còn phải gánh chịu những tổn thương về mặt tinh thần (như trầm cảm, lạm dụng chất gây nghiệm hoặc thậm chí là tự tử). Bên cạnh đó, họ còn chịu những bất lợi về kinh tế, xã hội. Những tác động tiêu cực của bạo lực trên cơ sở giới không chỉ dừng lại ở những tác động tiêu cực đối với nạn nhân bị bạo lực mà bạo lực trên cơ sở giới còn tác động tiêu cực tới sự phát triển của xã hội nói chung, đó là ảnh hưởng của bạo lực gia đình lên con cái, các khía cạnh bạo lực liên thế hệ và sự phát triển kinh tế chung của xã hội. Chính những hậu quả nặng nề của bạo lực trên cơ sở giới gây ra đối với nạn nhân bị bạo lực, đòi hỏi Nhà nước cần có sự hỗ trợ, trợ giúp đặc biệt nhằm thúc đẩy sự phục hồi về thể chất và tâm lý cho nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở. Theo yêu cầu của Liên hợp quốc các quốc gia cần hành động nhằm đảm bảo đến mức tối đa có thể được trong phạm vi nguồn lực sẵn có của mình đảm bảo rằng phụ nữ bị bạo lực và con cái của họ (nếu có) nhận được sự trợ giúp đặc biệt như phục hồi sức khỏe, trợ giúp chăm sóc con cái, điều trị, tư vấn, các dịch vụ y tế và xã hội, các cơ sở và chương trình trợ giúp khác[[19]](#footnote-19). Công ước CEDAW khuyến nghị các quốc gia “*cần cung cấp những dịch vụ bảo vệ và hỗ trợ thích hợp cho nạn nhân*” (Khuyến nghị số 19).

Tại Việt Nam, theo Kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 chỉ ra rằng, tỷ lệ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra ở nước ta năm 2019 thấp hơn so với năm 2010, ngoại trừ bạo lực tình dục. Tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ ra rằng, cứ ba phụ nữ thì có gần hai phụ nữ (63%) đã bị một hình thức bạo lực trong đời. Tỉ lệ bạo lực hiện thời là 32% (tức là có bạo lực trong 12 tháng tính tới thời điểm điều tra). Trong đó, cứ 04 phụ nữ thì có hơn một phụ nữ bị bạo lực thể xác do chồng hiện tại hoặc chồng cũ gây ra trong đời; cứ 08 phụ nữ thì có một phụ nữ bị chồng hiện tại hoặc chồng cũ bạo lực tình dục trong đời; cứ 05 phụ nữ thì có một phụ nữ bị bạo lực kinh tế và nhiều phụ nữ bị bạo lực tâm lý hơn so với bất kỳ hình thức bạo lực nào khác. Như vậy, có thể thấy thực trạng bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam đã giảm so với năm 2010. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ chịu các hình thức bạo lực ở nước ta vẫn cao.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đấu tranh phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới (hay bạo lực đối với phụ nữ), trong những năm qua, Việt Nam không ngừng nỗ lực trong việc hoàn thiện thể chế để tăng cường hiệu quả phòng ngừa, ứng phó đối với bạo lực trên cơ sở giới. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung như Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Bình đẳng giới; Luật Bảo vệ trẻ em; Luật Trợ giúp pháp lý; Luật Phòng, chống mua bán người; Bộ luật hình sự … Có thể thấy, khung pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, đấu tranh chống hành vi bạo lực trên cơ sở giới từng bước được hoàn thiện, trong đó có pháp luật về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới. Tuy nhiên, hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có một văn bản độc lập quy định tổng thể các biện pháp hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới, việc hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới được quy định các văn bản pháp luật có liên quan khác nhau như Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Trợ giúp pháp lý.

**2. Quy định của pháp luật hiện hành về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới**

*2.1. Quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007*

Bạo lực gia đình là một trong những hình thức ngấm ngầm nhất của nạn bạo lực chống lại phụ nữ. Do đó, phòng ngừa và đấu tranh chống bạo lực gia đình là một trong những mục tiêu quan trọng để xoá bỏ bạo lực chống lại phụ nữ. Để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Luật PCBLGĐ) năm 2007 đã quy định các biện pháp hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình gồm: (1) Chăm sóc nạn nhân bị bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 23); (2) Tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 24) và (3) Hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu (Điều 25). Cụ thể:

*- Biện pháp hỗ trợ chăm sóc nạn nhân bị bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*: Theo quy định tại Điều 23 của Luật PCBLGĐ thì khi khám và điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nạn nhân bạo lực gia đình được xác nhận việc khám và điều trị nếu có yêu cầu. Chi phí cho việc khám và điều trị đối với nạn nhân bạo lực do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế. Đồng thời, Luật cũng quy định nhân viên y tế khi thực hiện nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất.

*- Biện pháp hỗ trợ tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình*: Nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về chăm sóc sức khoẻ, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý để giải quyết tình trạng bạo lực gia đình.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn phù hợp với nạn nhân bạo lực gia đình.

*- Biện pháp hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu*: Uỷ ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết.

Tại Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCBLGĐxác định hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là hoạt động nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận nhằm giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình. Theo đó, hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình gồm: (1) chăm sóc sức khỏe; chăm sóc y tế; (2) tư vấn pháp luật; tư vấn tâm lý: (3) cung cấp nơi tạm lánh trong trường hợp nạn nhân bạo lực gia đình không có chỗ ở khác, nhằm tránh những hành vi bạo lực tiếp theo của người gây bạo lực gia đình; (4) hỗ trợ một số nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp họ không thể tự lo được hoặc không có sự hỗ trợ từ người thân, bạn bè (gồm cung cấp đồ ăn, nước uống, cung cấp hoặc cho mượn quần áo, chăn màn và các đồ dùng thiết yếu khác) *(Điều 13).*

*2.2. Quy định của Luật Phòng, chống mua bán người*

Luật Phòng, chống mua bán người (Luật PCMBN) năm 2011 dành một chương riêng (Chương 5) quy định về hỗ trợ nạn nhân, theo đó, nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng 06 chế độ sau: (1) hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; (2) hỗ trợ y tế; (3) hỗ trợ tâm lý; (4) trợ giúp pháp lý; (5) hỗ trợ học văn hóa, học nghề; (6) trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn. Nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam cũng được hưởng các chế độ hỗ trợ trên, trừ chế độ hỗ trợ học văn hóa, học nghề và chế độ trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn. Cụ thể:

- *Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại*: Nạn nhân bị mua bán trong trường hợp cần thiết, được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về lứa tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của nạn nhân. Trường hợp nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú mà không có khả năng chi trả tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường thì được hỗ trợ các khoản chi phí này.

- *Hỗ trợ y tế*: Trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nếu nạn nhân cần được chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe thì được xem xét hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh.

- *Hỗ trợ tâm lý*: Nạn nhân được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- *Trợ giúp pháp lý*:Nạn nhân được tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại và được trợ giúp pháp lý để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người;

- *Hỗ trợ học văn hóa, học nghề*: Nạn nhân là người chưa thành niên thuộc hộ nghèo, nếu tiếp tục đi học thì được hỗ trợ tiền học phí, tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập trong năm học đầu tiên. Nạn nhân khi trở về địa phương, nếu thuộc hộ nghèo thì được xem xét hỗ trợ học nghề;

- *Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn*: Nạn nhân khi trở về địa phương, nếu thuộc hộ nghèo thì được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu; nếu có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh thì được xem xét tạo điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật.

*2.3. Quy định của Luật Trợ giúp pháp lý*

Theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý (Luật TGPL) thì nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới thuộc diện người được trợ giúp pháp lý nếu thuộc các đối tượng sau: (1) người có công với cách mạng; (2) người thuộc hộ nghèo; (3) trẻ em; (4) người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (5) người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc (7) người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính: (a) nạn nâhn trong vụ việc bạo lực gia đình; (b) nạn nhân của hành vi mua bán người; (c) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; (d) người khuyết tật; (đ) người cao tuổi; (e) người nhiễm HIV; (g) người nhiễm chất độc da cam; (h) cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ hoặc người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ nhỏ.

Nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới thuộc một trong các đối tượng trợ giúp pháp lý nêu trên sẽ được trợ giúp pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại với hình thức trợ giúp pháp lý gồm: (1) tham gia tố tụng; (2) tư vấn pháp luật và (3) đại diện ngoài tố tụng. Cụ thể:

- Trợ giúp pháp lý với hình thức tham gia tố tụng: Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật TGPL và pháp luật về tố tụng (Điều 31).

- Trợ giúp pháp lý với hình thức tư vấn pháp luật: Người thực hiện trợ giúp pháp lý tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hoà giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc (Điều 32).

- Trợ giúp pháp lý với hình thức đại diện ngoài tố tụng: Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 33).

*2.4. Quy định của Luật Trẻ em*

Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của các em. Luật Trẻ em năm 2016 quy định các biện pháp bảo vệ trẻ em theo 03 cấp độ (phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp), trong đó ở cấp độ can thiệp bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằn ngăn chặn hành vi xâm hại và hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hoà nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt[[20]](#footnote-20), trong đó bao gồm cả trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ can thiệp (Điều 50) gồm:

- Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý, phục hồi thể chất và tinh thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần can thiệp.

- Bố trí nơi tạm trú an toàn, cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe doạ hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em.

- Bố trí chăm sóc thay thế tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ em thuộc trường hợp cần chăm sóc thay thế (gồm: trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa; trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em; trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm hoạ, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ; trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ).

- Đoàn tụ gia đình, hoà nhập trường học, cộng đồng cho trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi.

- Tư vấn, cung cấp kiến thức cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên gia đình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về trách nhiệm và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục hoà nhập cho trẻ em thuộc nhóm đối tượng này.

- Tư vấn, cung cấp kiến thức pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Các biện pháp hỗ trợ trẻ em bị xâm hại và gia đình của trẻ em (có chính sác phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ để hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được chăm sóc sức khoẻ, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đạo và các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học, giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập, được học nghề và giới thiệu việc làm phù hợp với độ tuổi và pháp luật về lao động; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em).

- Theo dõi, đánh giá sự án toàn của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

**3. Một số đánh giá về quy định của pháp luật về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực và kiến nghị hoàn thiện**

*Thứ nhất,* như đã phân tích ở trên, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có một văn bản quy phạm pháp luật mang tính độc lập quy định về chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới. Việc hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới chỉ được thực hiện nếu các nạn nhân này thuộc đối tượng hỗ trợ của quy định pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; trợ giúp pháp lý hoặc phòng, chống mua bán người. Điều này dẫn tới bất cập, trong nhiều trường hợp, nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới không thuộc đối tượng hỗ trợ nêu trên thì sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ. Trong khi đó, nạn nhân bị bạo lực chịu nhiều tổn thương về thể xác, tinh thần, việc hỗ trợ nạn nhân là rất cần thiết. Đây chính là một trong những bất cập của pháp luật hiện hành về hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực cần sớm được khắc phục trong thời gian tới nhằm bảo đảm cho việc hỗ trợ nạn nhân được đầy đủ và kịp thời, tránh trường hợp “bỏ rơi” nạn nhân không được hưởng chế độ hỗ trợ.

*Thứ hai,* theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý thì hiện nay, nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới nếu không thuộc trường hợp đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 của Luật thì sẽ không thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Như vậy, có thể thấy, trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới chỉ được thực hiện thông qua nhóm đối tượng là nạn nhân bị bạo lực gia đình và nạn nhân của hành vi mua bán người có khó khăn về tài chính là chủ yếu và thông qua các nhóm đối tượng khác. Điều này đã dẫn tới những hạn chế nhất định trong việc hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới. Nhóm nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới là nhóm yếu thế. Kết quả của nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nạn nhân của tình trạng bạo lực trên cơ sở giới gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận công lý. Do đó, việc nghiên cứu khả năng quy định nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới là một đối tượng độc lập được hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước là cần thiết nhằm tăng cường bảo vệ quyền của nhóm đối tượng này, trước mắt, có thể là những nạn nhân bị bạo lực tình dục.

 *Thứ ba,* hậu quả mà nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới phải gánh chịu là rất nghiêm trọng, đặc biệt là những hậu quả về mặt tâm lý. Tuy nhiên, hiện nay, pháp luật hiện hành mới chỉ quy định trách nhiệm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sơ bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện tư vấn tâm lý cho các đối tượng nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân của hành vi mua bán người trong thời gian lưu trú tại cơ sở mà chưa quy định biện pháp hỗ trợ tâm lý trong quá trình những nạn nhân này hòa nhập với cộng đồng. Do đó, để tăng cường hiệu quả hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới theo hướng bảo đảm phòng ngừa mang tính bền vững, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy định về hỗ trợ tư vấn tâm lý đối với nạn nhân theo hướng hỗ trợ cả trong giai đoạn hòa nhập cộng đồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 28/NQ-CP | *Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2021* |

**NGHỊ QUYẾT**

**BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số* [*70/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/nghi-dinh-70-2008-nd-cp-huong-dan-luat-binh-dang-gioi-66682.aspx) *ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

**Điều 2.**Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.**Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (2b) | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA** **VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

Trên cơ sở kế thừa Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, tiếp tục thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 với những nội dung chính như sau:

**I. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị

Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

b) Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

d) Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

đ) Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

e) Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 3. Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.

- Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới.

2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: Truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới; đưa nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác pháp chế, tăng cường lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới. Hàng năm, tổ chức triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12.

5. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia.

6. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới; tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực bình đẳng giới.

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược bao gồm:

Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương; các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng;

Các nguồn hợp pháp khác.

2. Các bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chiến lược và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phân công trách nhiệm

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tổ chức triển khai Chiến lược trên phạm vi cả nước;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các nội dung chính sách, pháp luật liên quan đến công tác bình đẳng giới;

- Hướng dẫn và tổ chức triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng năm;

- Xây dựng và triển khai Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và Truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới; lồng ghép các dự án về bình đẳng giới trong các chương trình an sinh xã hội;

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược và định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết và tổng kết Chiến lược;

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai chỉ tiêu 1,2 của mục tiêu 2; chỉ tiêu 2 (số liệu về bạo lực trên cơ sở giới), chỉ tiêu 3, 4 của mục tiêu 3; chỉ tiêu 3 của mục tiêu 5; chỉ tiêu 1, 2 của mục tiêu 6 Chiến lược này.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm ở cấp quốc gia;

- Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương;

- Thu thập, biên soạn và công bố kịp thời số liệu thuộc Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia hàng năm; xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia;

- Chịu trách nhiệm thu thập và báo cáo số liệu liên quan tới thực hiện chỉ tiêu 3 của mục tiêu 2; chỉ tiêu 1 của mục tiêu 3; chỉ tiêu 4 của mục tiêu 5 Chiến lược này.

c) Bộ Tài chính:

- Bảo đảm kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới sau khi được phê duyệt;

- Hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

d) Bộ Tư pháp:

- Thực hiện việc hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thẩm định việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Xây dựng Chương trình nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, cán bộ làm công tác pháp chế để tăng cường lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Bộ Nội vụ:

- Rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, công chức, viên chức;

- Thực hiện việc lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Xây dựng và thực hiện chương trình tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách;

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai chỉ tiêu của mục tiêu 1 Chiến lược này.

e) Bộ Y tế:

- Triển khai các hoạt động bảo đảm thực hiện mục tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cảnh báo và chủ động kiểm soát, giải quyết các nguyên nhân sâu xa dẫn đến mất cân bằng giới tính ở trẻ sơ sinh;

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai các chỉ tiêu của mục tiêu 4 Chiến lược này.

g) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Đưa nội dung giáo dục về giới, bình đẳng giới, giới tính, sức khỏe sinh sản vào giảng dạy tại các cấp học;

- Xây dựng và triển khai Chương trình đưa nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học;

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai các chỉ tiêu 1,2 của mục tiêu 5 Chiến lược này.

h) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục;

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai các chỉ tiêu 3, 4 của mục tiêu 6 Chiến lược này.

i) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Hướng dẫn triển khai các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình; thu thập, thống kê số liệu liên quan tới số nạn nhân bị bạo lực gia đình, số nạn nhân và người gây bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn;

- Truyền thông, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các sản phẩm quảng cáo có nội dung định kiến giới;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả triển khai chỉ tiêu 2 (số liệu về bạo lực gia đình) của mục tiêu 3 Chiến lược này.

k) Bộ Công an chủ trì xây dựng, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống mua bán người; phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan phát hiện sớm, can thiệp và xử lý kịp thời các vụ bạo lực trên cơ sở giới.

l) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm của địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện Chiến lược;

- Thực hiện sơ kết, tổng kết kế hoạch thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới tại địa phương, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

m) Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Chiến lược; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong nhân dân; tham gia xây dựng và giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược này, đồng thời chỉ đạo triển khai các giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chiến lược./.

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 1464/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2016* |

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030”

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số* [*2351/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-2351-qd-ttg-phe-duyet-chien-luoc-quoc-gia-binh-dang-gioi-116501.aspx) *ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số* [*178/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-178-qd-ttg-lanh-dao-cua-dang-cong-tac-binh-dang-gioi-su-tien-bo-cua-phu-nu-302065.aspx) *ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Ban Bí thư về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

Thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Người có nguy cơ bị bạo lực và nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, can thiệp và hỗ trợ kịp thời nhằm ngăn ngừa bạo lực xảy ra và có cơ hội cải thiện nâng cao chất lượng môi trường sống và làm việc. Phấn đấu đến năm 2020 đạt các mục tiêu sau:

- Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan và cộng đồng trong việc phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, chú trọng nhóm đối tượng có nguy cơ cao gây bạo lực, đối tượng dễ bị tổn thương do bạo lực trên cơ sở giới;

- 100% nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, hỗ trợ và can thiệp kịp thời;

- 50% người gây bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, tư vấn hoặc có hình thức xử lý phù hợp.

Tầm nhìn đến năm 2030: Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới nhằm tăng cường thực thi pháp luật và đảm bảo hệ thống dịch vụ về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn quốc hướng tới môi trường an toàn, bình đẳng, không bạo lực.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên các ngành, vùng, địa phương có tình trạng bạo lực trên cơ sở giới xảy ra nhiều hoặc có nguy cơ cao.

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân về chính sách pháp luật có liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, phân biệt đối xử về giới và ảnh hưởng của bạo lực trên cơ sở giới tới sự phát triển bền vững của xã hội.

a) Triển khai chiến dịch truyền thông với các hình thức đa dạng, phong phú trong “Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới”; hưởng ứng Ngày quốc tế xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; “Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình”;

b) Triển khai các hình thức truyền thông về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới phù hợp với từng nhóm đối tượng của Đề án theo từng vùng, miền; xây dựng mạng lưới người có ảnh hưởng trong xã hội để truyền tải thông điệp về phòng ngừa và ứng phó bạo lực trên cơ sở giới; thực hiện tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa bạo lực trên môi trường mạng, ép phụ nữ kết hôn với người nước ngoài vì lý do kinh tế và phân biệt đối xử vì lý do giới tính.

2. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về việc phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

a) Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước, người cung cấp dịch vụ và đội ngũ cộng tác viên tại cộng đồng về công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

b) Xây dựng và ban hành hướng dẫn, tiêu chí về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: Phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái; trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực; mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng; cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; kết nối dịch vụ hỗ trợ nạn nhân; chăm sóc, tư vấn và hỗ trợ nạn nhân tại cơ sở y tế;

c) Xây dựng bộ công cụ thu thập số liệu và thí điểm cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

d) Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện hoạt động về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Triển khai các hoạt động phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới

a) Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các chương trình, sản phẩm truyền thông về phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới;

b) Triển khai các hoạt động tuyên truyền, tập huấn kỹ năng tự kiểm soát bản thân với nhóm đối tượng có nguy cơ cao gây bạo lực; kỹ năng phòng tránh bạo lực đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương do bạo lực trên cơ sở giới.

4. Triển khai các dịch vụ, mô hình hỗ trợ, can thiệp để phòng ngừa và giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới

a) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới: Hỗ trợ bảo đảm an toàn, tạm lánh khẩn cấp, dịch vụ hỗ trợ ban đầu tại địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng cho nạn nhân; cung cấp dịch vụ chăm sóc tối thiểu cho nạn nhân và tư vấn cho người gây bạo lực tại cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; hỗ trợ chăm sóc, tư vấn cho nạn nhân tại cơ sở y tế; sử dụng đường dây nóng và cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết bạo lực trên cơ sở giới để kết nối dịch vụ, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân và can thiệp, xử lý phù hợp người gây bạo lực;

b) Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại cộng đồng nhằm hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài và giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới tại vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa;

c) Triển khai lồng ghép hoạt động phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc trong sinh hoạt các câu lạc bộ, hội, đoàn thể tại khu công nghiệp, cơ quan, tổ chức; xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin và thực hiện tư vấn đối với các trường hợp bị quấy rối tình dục và xử lý người có hành vi quấy rối tình dục;

d) Triển khai mô hình thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái nhằm đảm bảo an toàn tại nơi công cộng, thực hiện rà soát các dịch vụ công để có khuyến nghị phù hợp và tạo cơ chế thu nhận ý kiến phản hồi của người dân về các trường hợp bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái trên địa bàn;

đ) Triển khai mô hình trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực với các hoạt động tập huấn kỹ năng cho giáo viên, người học và cung cấp thông tin cho phụ huynh về biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực tại trường học; thiết lập các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp ngay tại trường học, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp đối với người có hành vi bạo lực; lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm vận động nguồn lực, trao đổi kinh nghiệm với các nước, các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện Đề án.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:**

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương; chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng;

- Các nguồn hợp pháp khác.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện Đề án

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trong phạm vi toàn quốc; tăng cường trách nhiệm phối hợp liên ngành của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trong triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án; hướng dẫn, tổ chức, triển khai các hoạt động của Đề án và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; tiêu chuẩn về: thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái; cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh; mô hình kết nối dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới;

- Huy động sự hỗ trợ, hợp tác về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của quốc tế trong việc thực hiện Đề án.

2. Bộ Y tế chủ trì hướng dẫn về chăm sóc, tư vấn tâm lý và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh truyền thông về bình đẳng giới trong triển khai Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn về trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực; thực hiện lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong thực hiện phong trào Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

4. Bộ Công an chỉ đạo công an các cấp phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc phát hiện sớm, can thiệp và xử lý các vụ bạo lực trên cơ sở giới, môi giới hôn nhân bất hợp pháp và bảo vệ nạn nhân.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và triển khai bộ công cụ thu thập số liệu về bạo lực trên cơ sở giới.

6. Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án, lồng ghép các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Chương trình, Đề án liên quan; báo cáo việc thực hiện Đề án gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Đề nghị Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án; lồng ghép các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Chương trình, Đề án liên quan.

8. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là quấy rối tình dục tại nơi làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khuyến khích công đoàn cơ sở phối hợp cùng chuyên môn triển khai, hướng dẫn về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương bảo đảm cho việc thực hiện các hoạt động của Đề án;

b) Tổ chức thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan;

c) Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, báo cáo tình hình thực hiện Đề án gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: PL, KTTH, V.III;- Lưu: VT, KGVX (3b). | **KT. THỦ TƯỚNGPHÓ THỦ TƯỚNGVũ Đức Đam** |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 2232/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số* [*622/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-622-qd-ttg-2017-ke-hoach-hanh-dong-quoc-gia-thuc-hien-chuong-trinh-nghi-su-2030-348831.aspx) *ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số* [*178/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-178-qd-ttg-lanh-dao-cua-dang-cong-tac-binh-dang-gioi-su-tien-bo-cua-phu-nu-302065.aspx) *ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Ban Bí thư đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới:*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025” (sau đây gọi là Chương trình) với các nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngăn chặn sự gia tăng của tình trạng này thông qua việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân và phát triển, tăng cường khả năng đáp ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

2. Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Tối thiểu 50% người bị bạo lực trên cơ sở giới tìm kiếm sự trợ giúp từ cơ quan cung cấp dịch vụ.

- 100% trường hợp có nhu cầu trợ giúp về bạo lực trên cơ sở giới được trợ giúp bằng các hình thức khác nhau.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với các nhóm đối tượng

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp Ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp, tổ chức và cá nhân trong phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và chiến dịch truyền thông hướng tới các nhóm đối tượng phù hợp với mục tiêu vận động chính sách và vận dụng xã hội, tạo sự thay đổi nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân; chú trọng sự tham gia của những người có uy tín trong cộng đồng, nam giới, trẻ em trai, thanh niên nhằm tạo sự thay đổi trong xã hội.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

2. Duy trì, nhân rộng và nâng cao hiệu quả các mô hình, cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Duy trì, mở rộng các mô hình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Thực hiện thí điểm các mô hình hỗ trợ sinh kế và tự chủ về mặt tài chính cho các nhóm đối tượng phù hợp với tình hình thực tế.

- Nhân rộng và nâng cao chất lượng các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Nghiên cứu, thí điểm triển khai Tổng đài điện thoại quốc gia hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên phụ trách lĩnh vực liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới.

4. Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương; các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng. Các nguồn hợp pháp khác.

2. Các bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì thực hiện:

- Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Chương trình.

- Xây dựng và ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn của các mô hình, cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thí điểm các mô hình của Chương trình này.

- Nghiên cứu thí điểm triển khai Tổng đài điện thoại quốc gia hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Huy động sự hỗ trợ, hợp tác về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của quốc tế trong việc thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình và tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình.

2. Bộ Công an chỉ đạo lực lượng công an các cấp chủ động phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan phát hiện sớm, can thiệp và xử lý kịp thời các vụ bạo lực trên cơ sở giới, môi giới hôn nhân bất hợp pháp và bảo vệ nạn nhân; phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm mua bán người.

3. Bộ Tư pháp hướng dẫn về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới.

4. Bộ Y tế tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn và tăng cường kiểm tra các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc tiếp nhận, chăm sóc y tế đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tuyên truyền về bình đẳng giới trong triển khai công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực triển khai các giải pháp để bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở giáo dục và lớp độc lập thuộc phạm vi quản lý: thực hiện lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong thực hiện phong trào Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, chỉ đạo thực hiện truyền thông về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên báo chí và những người làm truyền thông về lĩnh vực này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương bảo đảm cho việc thực hiện các hoạt động của Chương trình.

- Tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan.

- Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại địa phương, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

9. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình; lồng ghép các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Đề án. Chương trình liên quan.

10. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khuyến khích công đoàn cơ sở phối hợp cùng cơ quan chuyên môn áp dụng hướng dẫn về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (2b). | **KT. THỦ TƯỚNGPHÓ THỦ TƯỚNGVũ Đức Đam** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BTP |  *Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025 của ngành Tư pháp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số*[*2232/QĐ-TTg*](https://phapluatcongdong.vn/van-ban/quyet-dinh-2232-qd-ttg-ban-hanh-thu-tuong-chinh-phu-nam-2020-p40261.htm)*, ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025;*

 *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1.** Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 của ngành Tư pháp.

 **Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

 **Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:******-*** Như Điều 3;- Bộ trưởng (để b/c);- Các Thứ trưởng (để biết);- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (để biết);- Thành viên Ban VSTBPN ngành TP (để t/hiện);- Lưu: VT, TCCB. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Đặng Hoàng Oanh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025 của ngành Tư pháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày tháng năm 2021*

*của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Thực hiện hiệu quả Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 đã được Chính phủ ban hành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, qua đó góp phần quan trọng vào công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên phạm vi toàn quốc.

**2. Chỉ tiêu đến năm 2025**

- 100% nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình, nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống buôn bán người có nhu cầu trợ giúp pháp lý được trợ giúp miễn phí theo đúng quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- 100% trợ giúp viên pháp lý làm việc tại các Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về giới, trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Ít nhất 80% người thực hiện trợ giúp pháp lý làm việc tại các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý được phổ biến pháp luật bình đẳng giới và bồi dưỡng nâng cao nhận thức về giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Ban VSTBPN ngành Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: định kỳ hàng năm.

2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc điểm văn hóa vùng miền nhằm tạo sự thay đổi về nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân; chú trọng thu hút sự tham gia của những cá nhân có uy tính trong cộng đồng, nam giới, thanh niên nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong xã hội về phòng chống bạo lực gia đình, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Thời gian thực hiện: định kỳ hàng năm.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận của các tầng lớp nhân dân tới các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, dịch vụ trợ giúp pháp lý. Tận dụng lợi thế của mạng xã hội để chủ động nắm bắt thông tin và kịp thời cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho các đối tượng bị bạo lực gia đình theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Cục Trợ giúp pháp lý.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên

4. Hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức trợ giúp pháp lý tăng cường phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương để chủ động phát hiện và thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời cho nạn nhân của bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Cục Trợ giúp pháp lý.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2021.

5. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, kỹ năng làm việc nhạy cảm giới cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý; đội ngũ luật sư tham gia trợ giúp pháp lý. Nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Cục Trợ giúp pháp lý.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2022.

6. Bồi dưỡng kỹ năng lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp. Tăng cường lồng ghép các nội dung về giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp.

- Đơn vị chủ trì: Ban VSTBPN ngành Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2022-2025.

7. Phối hợp hiệu quả với các bộ, ngành chức năng trong công tác hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp.

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ được phân công tham gia phối hợp.

- Thời gian thực hiện: theo yêu cầu phối hợp.

8. Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời xử lý những quy định không phù hợp với pháp luật bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2021.

9. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành chức năng, chính quyền địa phương trong công tác theo dõi thi hành pháp luật về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

- Thời gian thực hiện: lồng ghép phù hợp vào kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong giai đoạn 2021-2025.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế và tìm kiếm các nguồn hỗ trợ cho công tác bình đẳng giới của Bộ, ngành Tư pháp, qua đó học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm, mô hình hiệu quả về lồng ghép giới trong hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Hợp tác quốc tế.

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2021-2025.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Căn cứ Kế hoạch này chủ động lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 vào các chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp trong việc đánh giá sơ kết và tổng kết Kế hoạch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Chủ động dự toán ngân sách, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

**2. Sở Tư pháp các địa phương**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.Chủ động dự toán ngân sách, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

**3. Vụ Tổ chức cán bộ**

- Làm đầu mối trong việc tham mưu hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tại các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp.

- Chủ trì tham mưu tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 hàng năm, sơ kết, tổng kết theo quy định.

**4. Cục Kế hoạch - Tài chính**

Hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch. Kiểm tra việc sử dụng kinh phí được bố trí cho các mục tiêu, chương trình, dự án về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới theo quy định của pháp luật./.

1. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 13. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-1)
2. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 13. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-2)
3. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 25. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-3)
4. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 25. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-4)
5. UNODC. Nghiên cứu về thực tiễn thực thi pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam [↑](#footnote-ref-5)
6. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 45. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-6)
7. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 47. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-7)
8. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. Trang 48. UN Women 2018 [↑](#footnote-ref-8)
9. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. UN Women - 2018 [↑](#footnote-ref-9)
10. Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam. Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý. UN Wmen –Bộ Tư Pháp - 2018 [↑](#footnote-ref-10)
11. Khoản 5 Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo số liệu báo cáo thống kê của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước năm 2020, cả nước có 88.765 tổ hòa giải với 548.367 hòa giải viên, trong đó có 153.119 hòa giải viên nữ; không địa phương nào báo cáo có tổ hòa giải không có hòa giải viên nữ. Một số địa phương có tỷ lệ hòa giải viên nữ cao như thành phố Hồ Chí Minh 43%, thành phố Hải Phòng 39%, tỉnh Quảng Minh 37,67%... [↑](#footnote-ref-12)
13. Có tổng số 72 tập huấn viên cấp tỉnh đến từ 27 tỉnh/thành phố khu vực miền Bắc (tại Hà Nội ngày 20-21/9/2020); khu vực miền Trung (tại Khánh Hòa ngày 26-27/11/2020); khu vực miền Nam (tại Cần Thơ ngày27-28/10/2020). [↑](#footnote-ref-13)
14. Có tổng 120 hòa giải viên của 03tỉnh: Điện Biên (tập huấn ngày 05, 06/10/2020), Sóc Trăng (tập huấn ngày 01,02/12/2020; Đăk Nông ngày 10,11/12/2020)/ Mỗi tỉnh có 40 hòa giải viên ở cơ sở được tập huấn. [↑](#footnote-ref-14)
15. Trong năm 2018, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức 30 hội nghị cho trên 3.000 hội viên phụ nữ, trong đó chú trọng tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và phương pháp, cách thức hòa giải các vụ bạo lực gia đình đối với phụ nữ; Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình đã phối hợp với HLHPN tỉnh tổ chức 27 buổi tập huấn cho đội ngũ cán bộ hội làm công tác PBGDPL, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở những nội dung cơ bản của Luật Bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình,... [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2014 đến hết năm 2018, hòa giải viên ở cơ sở đã tiến hành hòa giải 26.771 vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, hòa giải thành 22.293 vụ việc, đạt tỷ lệ 83,3%. [↑](#footnote-ref-16)
17. Tọa đàm với các nhà quản lý công tác hòa giải tỉnh Hà Giang. [↑](#footnote-ref-17)
18. Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. [↑](#footnote-ref-18)
19. Khoản 7 Điều 4 Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực với phụ nữ, 1993 [↑](#footnote-ref-19)
20. Trẻ em có hoàn cảnh dặc biệt bao gồm các nhóm: (a) trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; (b) trẻ em bị bỏ rơi; (c) trẻ em không nơi nưong tựa; (d) trẻ em khuyết tật; (đ) trẻ em nhiễm HIV/AIDS; (e) Trẻ em vi phạm pháp luật; (g) Trẻ em nghiện ma tuý; (h) Trẻ em phải bỏ học kiếm sôngs chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sởl (i) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; (k) Trẻ em bị bóc lột; (l) Trẻ em bị xâm hại tình dục; (m) Trẻ em bị mua bán; (n) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; (o) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc (Điều 10 Luật Trẻ em). [↑](#footnote-ref-20)